

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024





Nội dung

	04
	06
	08
Thành tích	
Hội đồng quản trị Ban Điều hành Ban Kiểm soát	16
Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết	20
Tầm nhìn, Sứ mệnh	23
Định hướng Phát triển	24
Các rủi ro	25
Tình hình hoạt động trong năm	28
Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc	39
Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty	44
Báo cáo của Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	52
Báo cáo của Ban Kiểm soát	55
Quản trị công ty	59
Báo cáo tài chính hợp nhất Báo cáo kiểm toán độc lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	63

TỔNG QUAN VỀ TRANSIMEX

Transimex là một trong những nhà cung cấp dịch vụ logistics hàng đầu tại Việt Nam, cung cấp cho khách hàng tất cả các giải pháp logistics tổng thể như: 2PL (dịch vụ Logistics bên thứ 2), 3PL (dịch vụ Logistics bên thứ 3), contract logistics và các dịch vụ liên quan khác trong lĩnh vực logistics.

Công ty Cổ phần Transimex là một trong bốn doanh nghiệp đang dẫn đầu cả nước về chuỗi cung ứng dịch vụ Logistics. Hiện nay, Transimex đang sở hữu và vận hành một hệ thống kho lưu trữ đa nhiệt độ tại hầu hết các vùng kinh tế trọng điểm của cả nước với tổng sức chứa trên 220.000 vị trí Pallet và hàng năm chúng tôi vận hành, khai thác trên 01 triệu tấn hàng hóa các loại. Cùng với dịch vụ lưu trữ, chúng tôi đã xây dựng một hệ sinh thái của cả tập đoàn với đầy đủ các dịch vụ kết nối, khép kín bao gồm vận tải phân phối đa phương thức với sự hỗ trợ của các cơ sở hạ tầng thuộc tập đoàn như Cảng ICD Transimex tại thành phố Hồ Chí Minh, Cảng biển Mipec tại Hải Phòng, đội xe vận tải container, xe chở hàng bách hóa đa nhiệt độ phục vụ khắp cả nước cùng với đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, tận tâm, có uy tín trên thị trường Logistics cả nước.



Đặc biệt, năm 2023, Transimex đầu tư mua một tàu container sức chở 1.100 TEUs mang tên TRANSIMEX SUN và một lượng vỏ container mới mang tên TRANSIMEX. Đây là con tàu container và những chiếc container đầu tiên Transimex sở hữu. Tháng 10/2024, Công ty đã khánh thành một kho lạnh hiện đại tại Bến Lức, Long An có khả năng lưu trữ 56.000 vị trí pallet với hệ thống truy xuất, nhập hàng tự động sử dụng robot tự động tiên tiến nhất theo chuẩn Châu Âu với tốc độ truy xuất lên đến 200 pallet/1 giờ. Vào tháng 3/2025, Công ty đã khởi công xây dựng kho đa chức năng tại VSIP II-A, Bình Dương với tổng diện tích 35.500 m², diện tích xây dựng 18.300 m², sức chứa gần 28.000 vị trí Pallet, có khả năng lưu trữ hàng bách hóa, hàng tiêu dùng, nguyên vật liệu dưới nhiệt độ thông thường và môi trường có điều hòa nhiệt độ.

Transimex tự hào là thành viên của các Hiệp hội uy tín tại Việt Nam và trên thế giới như Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA), Liên minh hàng hóa thế giới (WCA), Hiệp hội Giao nhận và Kho vận quốc tế (FIATA), Hiệp hội Logistics Việt Nam (VLA), VCCI và nhiều tổ chức uy tín khác, cho phép chúng tôi vận chuyển hàng hóa đến bất cứ nơi nào trên thế giới.



THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Doanh thu hợp nhất

3.326 tỷ đồng

Kính gửi Quý cổ đông, Quý đối tác, Khách hàng và toàn thể Cán bộ nhân viên Tập đoàn Transimex,

Năm 2024 khép lại với nhiều biến chuyển đáng chú ý trong chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực. Trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục bị điều chỉnh sau các cuộc xung đột chính trị và xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng ngày càng rõ nét, logistics không còn là hoạt động hậu cần đơn thuần, mà trở thành yếu tố chiến lược trong quản trị chuỗi giá trị toàn cầu. Tại Việt Nam, logistics đang giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế và thương mại, đặc biệt khi đất nước tiếp tục hội nhập sâu rộng và trở thành điểm đến chiến lược của các dòng dịch chuyển đầu tư. Trước những biến động đó, Transimex với thế mạnh sở hữu mạng lưới, hạ tầng logistics trải dài từ Bắc vào Nam, từ cảng biển, kho bãi, đến vận tải đa phương thức, dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế và dịch vụ hải quan đã chủ động thích ứng, đổi mới và tiếp tục duy trì tăng trưởng ổn định, khẳng định vai trò tiên phong trong ngành logistics tích hợp.

Năm 2024, toàn Tập đoàn đạt doanh thu hợp nhất 3.326 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 238,153 tỷ đồng. Dù thị trường còn nhiều thách thức, tuy nhiên với kết quả này cũng đã thể hiện sự nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ nhân viên, sự linh hoạt và khả năng quản trị vững vàng của Ban Điều hành Transimex trong việc đảm bảo hiệu quả hoạt động và tối ưu hóa chuỗi cung ứng cho Khách hàng.

Một trong những điểm nhấn trong năm 2024 chính là Lễ khánh thành Kho lạnh thông minh ASRS tại Long An, đánh dấu bước tiến mạnh mẽ của Transimex trong việc tự động hóa hệ thống logistics và ứng dụng công nghệ cao vào lưu trữ – phân phối hàng hóa. Dự án này không chỉ giúp nâng cao năng lực vận hành mà còn thể hiện cam kết của chúng tôi đối với phát triển bền vững, khi áp dụng hệ thống năng lượng sạch, tiết kiệm và thân thiện với môi trường. Song song với việc phát triển và mở rộng mạng

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất

238,153 tỷ đồng

lưới hạ tầng logistic, Tập đoàn đã, đang và sẽ tiếp tục tập trung mạnh mẽ vào việc đầu tư hệ thống trang thiết bị hiện đại cùng công nghệ tự động hóa tiên tiến. Điều này không chỉ giúp tối ưu hóa quy trình vận hành mà còn nâng cao đáng kể năng suất, tính chính xác và tốc độ xử lý trong từng khâu của chuỗi cung ứng, từ đó tạo ra giá trị gia tăng vượt trội cho Khách hàng. Hướng đến tương lai, Transimex kiên định với TẦM NHÌN trở thành Tập đoàn cung cấp dịch vụ Logistics toàn diện và tốt nhất tại Việt Nam. Chúng tôi không ngừng phấn đấu thực hiện SỨ MỆNH của mình bằng cách liên tục hoàn thiện chuỗi dịch vụ và cung cấp những giải pháp logistics tối ưu nhất, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng. Với cam kết phát triển bền vững dựa trên 6 GIÁ TRỊ CỐT LÕI: Tốc độ – Chính xác – Trách nhiệm – Hiệu quả – Bền vững – Dẫn đầu, Transimex tự tin sẽ luôn KHÔNG NGỪNG HƯỚNG ĐẾN SỰ XUẤT SẮC, vượt qua mọi thử thách, mang lại giá trị vượt trội cho đối tác và khách hàng.

Nhân dịp này, thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông, đối tác, và khách hàng đã luôn đồng hành, tin tưởng và ủng hộ Transimex trong suốt thời gian qua. Đồng thời, tôi cũng xin tri ân toàn thể cán bộ, nhân viên của Transimex, những người đã không ngừng cống hiến và làm việc hết mình góp phần tạo nên một năm 2024 với nhiều dấu ấn và thành công cho Transimex.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng.

BÙI TUẤN NGỌC

CHỦ TỊCH HĐQT

TỔNG QUAN

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: **Công Ty Cổ Phần Transimex**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301874259 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03/12/1999 (được sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm).
Tổng số cổ phần: **169.347.954 cổ phần**

Vốn điều lệ: **1.693.479.540.000 VND** (Một nghìn sáu trăm chín mươi ba tỷ bốn trăm bảy mươi chín triệu năm trăm bốn mươi nghìn Đồng Việt Nam).
Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **1.693.479.540.000 VND** (Một nghìn sáu trăm chín mươi ba tỷ bốn trăm bảy mươi chín triệu năm trăm bốn mươi nghìn Đồng Việt Nam).

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: **(+84-28) 2220 2888**
Số fax: (+84-28) 2220 2889
Email: info@transimex.com.vn
Website: www.transimex.com.vn

Mã cổ phiếu: TMS



LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay):

- 1983** • Thành lập Công ty Kho vận Giao nhận Ngoại thương, là tiền thân của Công ty Cổ phần Transimex, trụ sở tại 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Q. 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- 1997** • Thành lập Cảng ICD Transimex tại Phường Trường Thọ, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- 2000** • **Tháng 01:** Transimex chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần theo QĐ số 989/QĐ-TTg, ngày 26/10/1999 của Thủ Tướng Chính phủ.
• **Tháng 03:** Thành lập Chi nhánh tại Đà Nẵng, Hà Nội và Hải Phòng.
• **Tháng 08:** Niêm yết 2.200.000 Cổ phiếu của Transimex (Mã CK: TMS) tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.
- 2009** • **Tháng 03:** Thành lập Công ty TNHH MTV Vận tải Giao nhận Ngoại thương (TMS Trans).
• **Tháng 04:** Tòa nhà TMS|BUILDING tại 172 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao, Q.1, Thành phố Hồ Chí Minh chính thức đi vào hoạt động.
- 2012** • **Tháng 04:** Ký kết "Thỏa thuận liên kết hợp tác kinh doanh - Hợp tác chiến lược" với Công ty Cổ phần Vinafreight.
• **Tháng 11:** Đổi tên từ Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương thành Công ty Cổ phần Transimex-Saigon.
- 2013** • **Tháng 04:** Khánh thành Trung tâm phân phối Transimex tại Khu công nghiệp Sóng Thần 2, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
• **Tháng 08:** Được bổ nhiệm làm Tổng Đại lý cho Hãng tàu Dongjin (Hàn Quốc) tại Việt Nam.
- 2015** • Khánh thành Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng tại Khu công nghiệp Hòa Cầm, Thành phố Đà Nẵng.
- 2016** • **Tháng 03:** Trở thành cổ đông chiến lược của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) (Mã chứng khoán là CLX).
• **Tháng 03:** Khánh thành Trung tâm Logistics Transimex tại Khu Công Nghệ Cao Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
• **Tháng 04:** Đổi tên từ Công ty Cổ phần Transimex-Saigon thành Công ty Cổ Phần Transimex.
- 2018** • **Tháng 08:** Thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long cùng với 04 cổ đông khác bao gồm Công ty Cổ phần Vinafreight, Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải và Ngoại thương, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tuấn Mạnh.
• **Tháng 10:** Khánh thành Trung tâm Logistics Thăng Long tại tỉnh Hưng Yên.
- 2019** • **Tháng 03:** Hợp tác đầu tư xây dựng Cảng Mipec tại Thành phố Hải Phòng.
• **Tháng 05:** Ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Transimex với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) và Công ty Cổ phần Vinafreight để thành lập Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc, đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics Vĩnh Lộc.
- 2020** • **Tháng 12:** Thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới với slogan: "Simply Better". 
- 2021** • **Tháng 05:** Ký kết "Thỏa thuận hợp tác chiến lược, liên kết hợp tác kinh doanh" với Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản.
• **Tháng 07:** Khánh thành tàu Transimex 21 với trọng tải 3.780 tấn, sức chở 200 TEUs.
• **Tháng 10:** Thành lập Công ty Cổ phần Logistics Long An.
• **Tháng 12:** Khánh thành Trung tâm Logistics Vinatrans Danang.

- 2022

 - Tháng 04: Thành lập Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Transimex tại Tỉnh Vĩnh Long.
 - Tháng 11: Trở thành công ty mẹ của Công Ty Cổ Phần Cảng Mipec.
- 2023

 - Tháng 01: Thành lập công ty con - Công ty Cổ phần Cảng Transimex.
 - Tháng 06: Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Transimex. Chính thức sở hữu tàu biển đầu tiên (Tàu Transimex Sun) với trọng tải 1.060 TEUs và đưa vào hoạt động khai thác.
 - Đầu tư đóng mới và đưa 300 vỏ containers thuộc sở hữu của Transimex vào hoạt động khai thác.
 - Tháng 09: Khánh thành Kho lạnh Long An - Giai đoạn 1.
 - Tháng 11: Trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương Mại.
- 2024

 - Tháng 10: Khánh thành tổng thể Kho lạnh Long An.
 - Tháng 11: Đầu tư đóng mới 01 xà lan vận chuyển container với sức chở 250 TEUs.
 - Tháng 12: Đầu tư đóng mới 01 xà lan vận chuyển container với sức chở 250 TEUs.

THÀNH TÍCH

- 1990

 - Thành viên của Hiệp hội FIATA – Liên đoàn các Hiệp hội Giao nhận Vận tải Quốc tế.
- 1993

 - Thành viên của VCCI – Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.
- 1994

 - Thành viên của VIFFAS – Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt Nam, nay là VLA – Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam.
- 2000

 - Thành viên của IATA – Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế.
- 2003

 - Chứng nhận cam kết chất lượng đạt chuẩn ISO 9001-2000 do SGS cấp.
- 2010

 - Chứng nhận cam kết chất lượng đạt chuẩn ISO 9001-2008 do SGS cấp.
- 2016

 - Tháng 08 Chứng nhận cam kết chất lượng đạt chuẩn ISO 9001-2015 do SGS cấp.
 - Tháng 12 Transimex được xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp Lớn Việt Nam năm 2016 (VNR500) do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report), kết hợp cùng Báo VietnamNet bình chọn.
- 2017

 - Tháng 09 Transimex được vinh danh TOP 50 Công ty niêm yết lớn nhất Việt Nam 2017.
 - Tháng 12 Transimex được xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp Lớn Việt Nam năm 2017 (VNR500) do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report), kết hợp cùng Báo VietnamNet bình chọn.
- 2018

 - Xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp Lớn Việt Nam (VNR500) năm 2018 và TOP 10 Doanh nghiệp Logistics uy tín nhất Việt Nam.
- 2019

 - Xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp Lớn Việt Nam (VNR500) năm 2019 và TOP 10 Doanh nghiệp Logistics uy tín nhất Việt Nam.
 - Doanh nghiệp xuất sắc khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (APEA) năm 2019 do Enterprise Asia vinh danh và trao giải thưởng.

- 2020

 - Thành viên của Hiệp hội WCA – Hiệp Hội Hàng Hóa Toàn Cầu (World Cargo Alliance).
 - Tiếp tục xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp Lớn Việt Nam (VNR500) năm 2020 và TOP 10 Doanh nghiệp Logistics uy tín nhất Việt Nam.
 - TOP 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc thuộc bảng xếp hạng Fast 500 năm 2020.
 - TOP 100 doanh nghiệp bền vững của quốc gia năm 2020.
 - Doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tiêu biểu năm 2020.
- 2021

 - Tiếp tục xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp Lớn Việt Nam (VNR500) năm 2021.
 - Top 50 Doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2020 & 2021.
 - TOP 10 Công ty Vận tải và Logistics uy tín nhất Việt Nam năm 2021.
- 2022

 - Transimex tiếp tục xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp Lớn nhất Việt Nam năm 2022 (VNR500).
 - Transimex tiếp tục duy trì vị trí thứ 4 trong TOP 10 Công ty Uy tín ngành Logistics năm 2022.
 - Transimex tiếp tục được vinh danh TOP 50 Công ty Kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2022.
 - Transimex được vinh danh TOP 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2022.
 - TOP 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc thuộc bảng xếp hạng Fast 500 năm 2022.
- 2023

 - Transimex tiếp tục xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp Lớn nhất Việt Nam năm 2023 (VNR500).
 - Transimex đạt giải thưởng thương hiệu vàng Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trao tặng.
 - Transimex tiếp tục được vinh danh TOP 10 Công ty Uy tín ngành Logistics năm 2023.
 - Transimex tiếp tục được vinh danh TOP 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2023.
- 2024

 - Transimex tiếp tục xếp hạng TOP 500 doanh nghiệp Lớn nhất Việt Nam năm 2024 (VNR500).
 - Transimex xếp thứ 4 trong TOP 10 công ty logistics uy tín nhất năm 2024.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải

Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển. Logistics. Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường không. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không, và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Vận tải hàng hóa hàng không.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Hoạt động kinh doanh bất động sản. Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

TRUNG TÂM LOGISTICS KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lô BT, Đường D2, Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tăng Nhơn Phú B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tel: (84-28) 3720 6666 - Fax: (84-28) 3720 6777
Email: tmssttp.info@transimex.com.vn

CẢNG ICD TRANSIMEX

429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu phố 7, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tel: (84-28) 3731 1528 - Fax: (84-28) 3731 3079
Email: icd.info@transimex.com.vn

KHO LẠNH LONG AN

Lô E2-E3, Đường VL7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.
Tel: (84-272) 3818 668
Email: info@longancoldchain.com.vn

TRUNG TÂM LOGISTICS THĂNG LONG

Xã Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Tel: (84-221) 3589 886 - Fax: (84-221) 3589 887
Email: info@tll.com.vn - Website: www.tll.com.vn

TRUNG TÂM LOGISTICS TRANSIMEX ĐÀ NẴNG

Lô C2-9, Đường số 10, Khu công nghiệp Hòa Cầm, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
Tel: (84-236) 379 8668 - 379 8778
Fax: (84-236) 378 5678
Email: logisticscenter@transimex.com.vn

TRUNG TÂM LOGISTICS VINATRANS DANANG

Lô C, Đường số 5, Khu công nghiệp Hòa Cầm, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
Tel: (84-236) 367 5929 - Fax: (84-236) 3820 1310

TRUNG TÂM PHÂN PHỐI TRANSIMEX BÌNH DƯƠNG

Đường số 23, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Tel: (84-274) 3794 676 - Fax: (84-274) 3794 678
Email: transimex-dc@transimex.com.vn

CẢNG MIPEC

Bán đảo Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Tel: (84-225) 3260 036
Website: www.mpcport.com/

TRANSIMEX BUILDING

172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tel: (84-28) 2220 2888 - Fax: (84-28) 2220 2889
Email: info@transimex.com.vn
Website: https://transimex.com.vn/

TOÀ NHÀ VĂN PHÒNG TRANSCO

Số 5 Lô 2B, Khu đô thị mới Ngã 5 - Sân bay Cát Bi, Phường Đồng Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Tel: (84-225) 3821 037
Email: shipping@transco.com.vn
Website: https://www.transco.com.vn/

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX TẠI HẢI PHÒNG

Số 5 lô 2B, Khu đô thị mới ngã 5 - Sân bay Cát Bi, Phường Đồng Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Tel: (84-225) 3757 068 - Fax: (84-225) 3757 099
Email: tmshp.info@transimex.com.vn

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX TẠI HÀ NỘI

Tel: Tầng 9-10-11 tòa nhà Grand Building, số 30 - 32 Phố Hòa Mã, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Tel: (84-24) 3632 0241 - Fax: (84-24) 3632 0246
Email: tmshan.info@transimex.com.vn

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX TẠI ĐÀ NẴNG

Lô C2-9, đường số 10, Khu công nghiệp Hòa Cầm, Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.
Tel: (84-236) 356 1587 - 356 1588
Fax: (84-236) 356 1589
Email: tmsdn.info@transimex.com.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX TẠI ĐỒNG NAI

4D, Tổ 15D, Khu phố 2, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Tel: (84-251) 629 3458 - Fax: (84-251) 629 3485
Email: dno.info@transimex.com.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX TẠI BẾN TRE

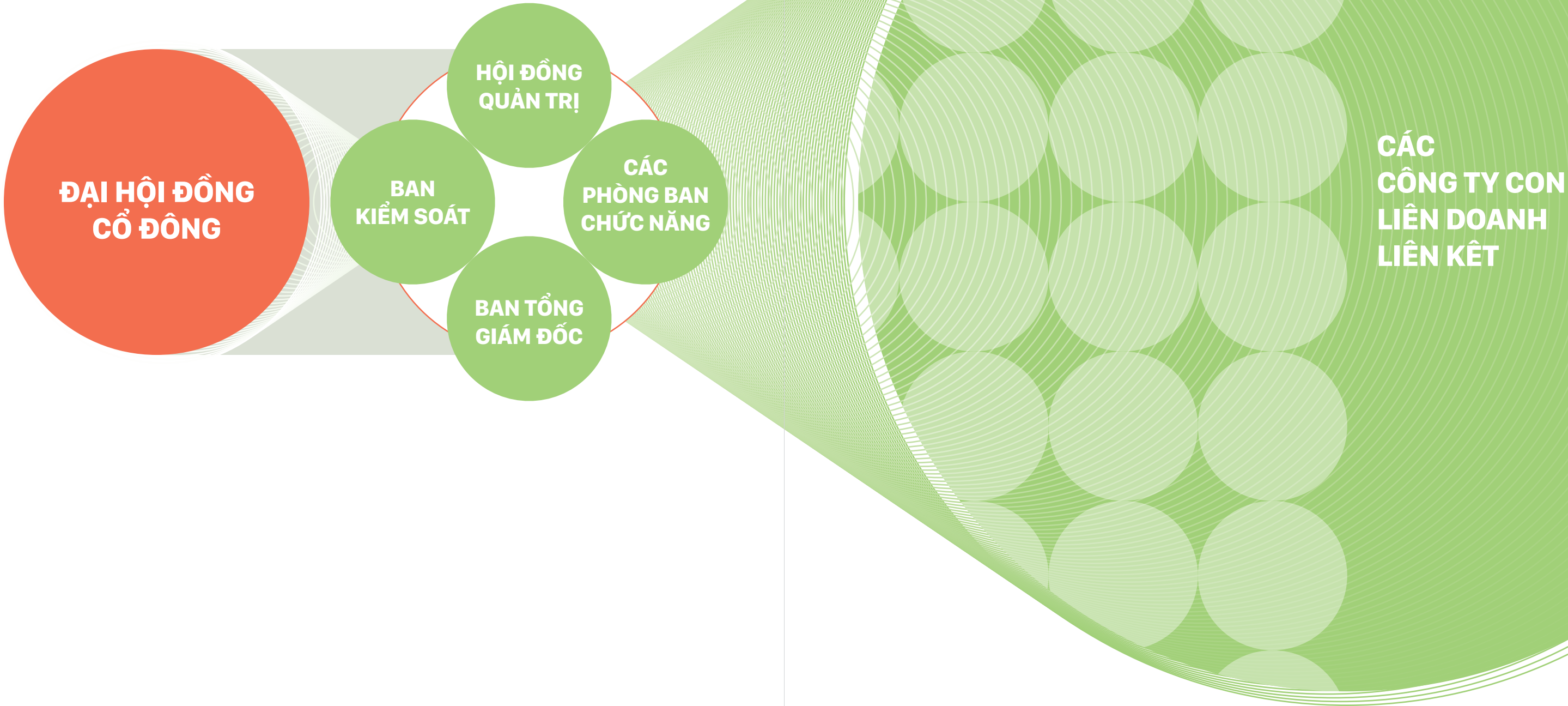
Xã Quới Sơn, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.
Tel: (84-275) 363 6679 - Fax: (84-275) 363 6579
Email: tmsbt.info@transimex.com.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX TẠI VĨNH LONG

Số A2-28, Khu Dân cư Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị Xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
Tel: (84-28) 2220 2888 - Fax: (84-28) 2220 2889
Email: info@transimex.com.vn

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý:



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông **BÙI TUẤN NGỌC**

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Quốc tịch: Việt Nam



Ông **LÊ DUY HIỆP**

Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Quốc tịch: Việt Nam



Ông **CHARVANIN BUNDITKITSADA**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Quốc tịch: Thái Lan



Ông **TOSHIYUKI MATSUDA**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Quốc tịch: Nhật bản



Ông **VÕ HOÀNG GIANG**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập
Quốc tịch: Việt Nam



Ông **BÙI MINH TUẤN**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Quốc tịch: Úc



Ông **HUỲNH AN TRUNG**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập
Quốc tịch: Việt Nam



BAN KIỂM SOÁT

Ông **VŨ CHINH**
Trưởng Ban Kiểm Soát
Quốc tịch: Việt Nam



Bà **NGUYỄN KIM HẬU**
Thành viên Ban Kiểm Soát
Quốc tịch: Việt Nam

Bà **LÊ THỊ TƯỜNG VY**
Thành viên Ban Kiểm Soát
Quốc tịch: Việt Nam



BAN ĐIỀU HÀNH

Ông **LÊ DUY HIỆP**
Tổng Giám Đốc
Quốc tịch: Việt Nam



Ông **NGUYỄN CHÍ ĐỨC**
Phó Tổng Giám Đốc
Quốc tịch: Việt Nam



Ông **LÊ PHÚC TÙNG**
Phó Tổng Giám đốc
Quốc tịch: Việt Nam



Ông **NGUYỄN HOÀNG HẢI**
Phó Tổng Giám Đốc
Quốc tịch: Việt Nam

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRUNG TÂM PHÂN PHỐI TRANSIMEX
Tên giao dịch: TMS DC
Đ/c: Đường số 23, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Tel: (84-274) 3794 676 - Fax: (+84-274) 3794 678
Email: transimex-dc@transimex.com.vn
Ngành, nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ kho phân phối hàng hóa; Dịch vụ bao bì, đóng gói, phân phối hàng hóa.
Tỷ lệ Transimex sở hữu: 100%.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BẤT ĐỘNG SẢN TRANSIMEX
Tên giao dịch: TMS-PROPERTY
Đ/c: 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tel: (84-28) 2220 2882 - Fax: (84-28) 3827 5557
Email: tmsbuilding@transimex.com.vn
Ngành, nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản; Lưu giữ hàng hóa; Vệ sinh nhà cửa và các công trình; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Cho thuê máy móc; Thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Chuyển phát.
Tỷ lệ Transimex sở hữu: 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX HI-TECH LOGISTICS
Đ/c: 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Ngành, nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển, đường hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
Tỷ lệ Transimex sở hữu: 99,45%.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRANSIMEX HI TECH PARK LOGISTICS
Tên giao dịch: TRANSIMEX SHTP LOGISTICS
Đ/c: Lô BT, đường D2, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tăng Nhơn Phú B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tel: (84-28) 3720 6666 - Fax: (84-28) 3720 6777

Email: tmsshtp.info@transimex.com.vn
Ngành, nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển, đường hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 99,44%

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ LONG AN
Đ/c: Lô E2-E3, Đường VL7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.
Hoạt động chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 99,45%

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS LONG AN
Đ/c: Lô E2-E3, Đường VL7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.
Tel: (+84 -27) 2381 8668
Email: info@longancoldchain.com.vn
Ngành, nghề kinh doanh: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
Tỷ lệ Transimex sở hữu: 99,98%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHUỖI CUNG ỨNG AP
Tên giao dịch: APSC
Đ/c: Số 06 Đại lộ Dân Chủ, KCN VSIP IIA, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Tel: (+84-28) 2220 2888
Ngành, nghề kinh doanh: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
Tỷ lệ Transimex sở hữu: 99,98%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG TRANSIMEX
Tên giao dịch: TRANSIMEX PORT
Đ/c: 429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tel: (+84-28) 37 311 528 - Fax: (+84-28) 37 313 079
Email: info@transimex.com.vn
Ngành, nghề kinh doanh: Cảng thủy nội địa; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa; Kho bãi và lưu

giữ hàng hóa; Dịch vụ đóng gói.
Tỷ lệ Transimex sở hữu: 99,99%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX SHIPPING
Đ/c: Tầng 6 Tòa nhà Transco, Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Tel: (+84-28) 2220 2888
Ngành, nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Cho thuê tàu biển.
Tỷ lệ Transimex sở hữu: 99,93%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS
Tên giao dịch: TRANSIMEX LOGISTICS
Mã chứng khoán: TOT
Đ/c: Tầng 2 - Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tel: (+84) 948 666 057 - Fax: (+84-28) 3720 6816
Email: tmstrans.info@transimex.com.vn
Ngành, nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa đường bộ; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa; Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi); Dịch vụ đóng gói.
Tỷ lệ Transimex sở hữu: 82,29%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LOGISTICS THĂNG LONG
Tên giao dịch: THĂNG LONG LOGISTICS
Đ/c: Xã Dị sử, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Tel: (+84-221) 3589 886 - Fax: (+84-221) 3589 887
Email: info@tll.com.vn - Web: www.tll.com.vn
Ngành, nghề kinh doanh: Trung tâm phân phối Logistics; Kho bãi và vận chuyển hàng hóa.
Tỷ lệ Transimex sở hữu: 61,85%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT
Tên giao dịch: VINAFREIGHT
Mã chứng khoán: VNF
Đ/c: Tầng 8 - Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Ngành, nghề kinh doanh: Dịch vụ giao nhận hàng không, dịch vụ giao nhận đường biển, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ cho thuê kho bãi, dịch vụ giá trị gia tăng.
Tỷ lệ Transimex sở hữu: 58,47%.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VĨNH LỘC
Tên giao dịch: VINH LOC LOGISTICS
Đ/c: Một phần Lô I.9, Đường số 5, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân,

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Ngành, nghề kinh doanh: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng, kho bãi.
Tỷ lệ Transimex sở hữu: 56,19%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI MIỀN TRUNG
Tên giao dịch: VINATRANS ĐÀ NẴNG
Mã chứng khoán: VMT
Đ/c: 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
Tel: (+84-236) 3675 929
Email: info@vinatransdn.com.vn
Website: https://www.vinatransdn.com.vn/
Ngành, nghề kinh doanh: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
Tỷ lệ Transimex sở hữu: 38,40%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
Tên giao dịch: TRANSCO
Mã chứng khoán: TJC
Đ/c: Số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Tel: (+84-225) 3821 037
Email: shipping@transco.com.vn
Website: https://www.transco.com.vn/
Ngành, nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ cho thuê văn phòng.
Tỷ lệ Transimex sở hữu: 57,46%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG MIPEC
Tên giao dịch: MIPEC PORT
Đ/c: Bán đảo Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Tel: (+84-225) 3260 036
Website: www.mpecport.com/
Ngành, nghề kinh doanh: Dịch vụ cảng biển; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
Tỷ lệ Transimex sở hữu: 44,16%.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG VÉC TƠ QUỐC TẾ
Tên giao dịch: VECTOR AVIATION CO., LTD
Đ/c: 39B Trường Sơn, lầu 11, Tòa nhà Hải Âu, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Ngành, nghề kinh doanh: Vận tải hàng không; cho thuê

kho bãi, văn phòng; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; vận tải hành khách đường bộ khác.
Tỷ lệ Transimex sở hữu: 52,63%.

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI
CON ĐƯỜNG VIỆT

Tên giao dịch: VIET WAY INVESTMENT DEVELOPMENT
TRADING CO., LTD
Đ/c: A8 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Ngành, nghề kinh doanh: Dịch vụ vận tải hàng hóa;
Đại lý bán vé máy bay.
Tỷ lệ Transimex sở hữu: 26,84%.

CÔNG TY TNHH HẬU CẦN TOÀN CẦU SFS VIỆT NAM

Đ/c: Tầng 8 – Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy
Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí
Minh, Việt Nam.
Ngành, nghề kinh doanh: Dịch vụ giao nhận hàng hóa.
Tỷ lệ Transimex sở hữu: 58,47%.

CÔNG TY TNHH LOGISTICS XUÊ HẰNG VIỆT NAM

Đ/c: Lầu 4, Toà nhà Hải Âu, 39B Trường Sơn, Phường
4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Ngành, nghề kinh doanh: Dịch vụ giao nhận hàng
hóa; Vận tải hàng hóa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ khác liên quan
đến vận tải.
Tỷ lệ Transimex sở hữu: 29,83%.

CÔNG TY LIÊN DOANH

CÔNG TY TNHH NIPPON EXPRESS (VIỆT NAM)

Tên giao dịch: NIPPON EXPRESS (VIETNAM)
Đ/c: 364 Cộng Hòa, Phòng 5.2 & 5.3, Tòa nhà Etown,
Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam.
Ngành, nghề kinh doanh: Dịch vụ giao nhận hàng hóa
đường hàng không và đường biển, vận chuyển hàng
hóa đường bộ, vận chuyển và lắp đặt máy móc, thiết
bị nặng, dịch vụ kho bãi, làm thủ tục hải quan và các
dịch vụ logistics.
Tỷ lệ Transimex sở hữu: 50%.

CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN

Tên giao dịch: CHOLIMEX
Mã chứng khoán: CLX

Đ/c: 631-633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành
phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Ngành, nghề kinh doanh: Phát triển, mở rộng kinh
doanh hạ tầng khu công nghiệp; Sản xuất chế biến và
phân phối lương thực thực phẩm, hàng nông thủy hải
sản xuất khẩu; Kinh doanh xuất nhập khẩu; Tổ chức
mạng lưới phân phối sản phẩm trong và ngoài nước.
Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 28,67%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN
VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Tên giao dịch: VNT LOGISTICS JSC
Mã chứng khoán: VNT
Đ/c: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống
Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Ngành, nghề kinh doanh: Kinh doanh các dịch vụ
về giao nhận, vận tải quốc tế; giao nhận, vận chuyển
hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải
nước ngoài.
Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 36,39%.

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI CONTAINER HẢI AN

Tên giao dịch: HACT., LTD
Đ/c: Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ,
Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải
Phòng, Việt Nam.
Ngành, nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa ven biển
và viễn dương.
Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 20,00%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN

Tên giao dịch: SEASPISEX
Mã chứng khoán: SPV
Đ/c: 51/14 Hòa Bình, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân
Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Ngành, nghề kinh doanh: Chế biến, bảo quản thủy sản
và các sản phẩm từ thủy sản.
Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 21,71%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
KHU CÔNG NGHIỆP VĨNH LỘC

Tên giao dịch: VLIPP JSC
Đ/c: Quốc lộ 1, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến
Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.
Ngành, nghề kinh doanh: Truyền tải, phân phối và
mua bán điện.
Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 20,00%.

TÂM NHÌN &
SỨ MỆNH



TÂM NHÌN

Trở thành tập đoàn cung cấp dịch vụ Logistics tổng thể tốt nhất Việt Nam.

SỨ MỆNH

Luôn hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ, cung cấp giải pháp Logistics tổng thể với chất lượng tốt nhất cho khách hàng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Tốc độ



Chính xác



Trách nhiệm



Hiệu quả



Bền vững



Dẫn đầu

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



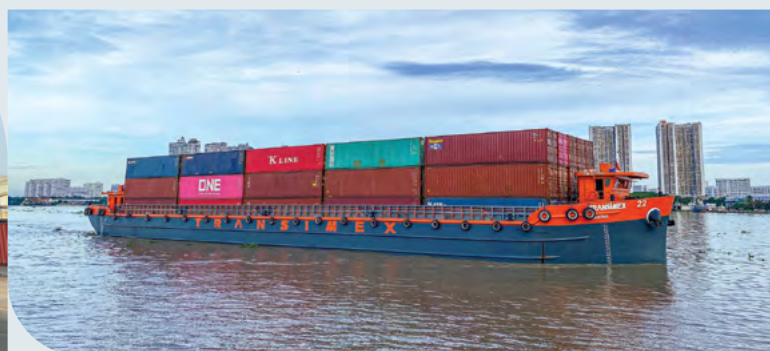
Các mục tiêu chủ yếu của Transimex:

- Trở thành nhà cung cấp dịch vụ logistics tổng thể hàng đầu Việt Nam.
- Đầu tư sở hữu các cơ sở hạ tầng logistics tại các vùng kinh tế trọng điểm trên cả nước.
- Dẫn đầu về phát triển bền vững logistics thông qua xanh hóa hoạt động dịch vụ logistics và tuân thủ bộ tiêu chuẩn ESG.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Đầu tư - Phát triển dịch vụ chuỗi cung ứng logistics lạnh cho tất cả các loại hàng hóa có kiểm soát nhiệt độ.
- Phát triển các giải pháp lưu trữ và phân phối tiên tiến, hiệu quả cho tất cả các loại hàng hóa.
- Phát triển chuỗi cung ứng dịch vụ logistics end-to-end.

- Chuyển đổi công nghệ:
 - Công ty tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động kinh doanh cũng như tăng cường ứng dụng công nghệ tiên tiến và tự động hóa trong vận hành dịch vụ logistics.
 - Đẩy mạnh việc ứng dụng AI trong quản trị logistics và trong công tác quản trị chung của Công ty.
- Phát triển sản phẩm dịch vụ mới: Nghiên cứu cho ra đời các sản phẩm dịch vụ mới phục vụ khách hàng. Bên cạnh các sản phẩm dịch vụ truyền thống, Công ty chú trọng việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm dịch vụ mới nhằm bổ sung, đa dạng hóa chuỗi cung ứng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của thị trường (dịch vụ logistics được phẩm, dịch vụ logistics cho ngành hàng thời trang cao cấp, hàng hóa giá trị cao...), phát triển các giá trị gia tăng như crossdocking, phân phối giao hàng, lưu trữ chứng từ, kho hàng cá nhân tự quản... .



CÁC RỦI RO

Rủi ro về thị trường kinh doanh dịch vụ logistics: Rủi ro về nguồn nhân lực:

Thị trường dịch vụ logistics Việt Nam là thị trường đang tăng trưởng tuy nhiên vẫn tiềm ẩn những rủi ro nhất định như tình trạng tập trung độc quyền cung cấp dịch vụ logistics tại một số lĩnh vực ngành hàng, hoặc việc các doanh nghiệp logistics Việt Nam khó tiếp cận trực tiếp với các doanh nghiệp FDI.

Các khó khăn ảnh hưởng đến kinh doanh dịch vụ logistics:

- Bất ổn kinh tế - chính trị toàn cầu.
- Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành.
- Kinh tế thế giới chưa hoàn toàn hồi phục.
- Rào cản pháp lý và thủ tục hành chính.
- Quy hoạch cơ sở hạ tầng Logistics chưa đồng bộ, thiếu liên kết vùng về Logistics.

Rủi ro về tài chính:

Chênh lệch tỷ giá cũng như tình hình lãi suất cho vay cao là những rủi ro tiềm ẩn đáng cảnh báo, đây cũng là lý do các doanh nghiệp logistics nhỏ và vừa không mạnh dạn đầu tư vào cơ sở hạ tầng và góp phần làm giảm khả năng cạnh tranh của cộng đồng các doanh nghiệp logistics thuần Việt.

Nguồn nhân lực đáp ứng cho ngành dịch vụ logistics đang thiếu hụt, do vẫn thiếu các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp hoặc đào tạo không đủ cung cấp cho thị trường. Transimex hiện đang thiếu những nhân sự có chất lượng và các vị trí quản lý cấp cao.

Những biện pháp giảm thiểu rủi ro:

- Đầu tư thêm phương tiện và hạ tầng phục vụ logistics, mở rộng địa bàn tại những vùng trọng điểm trên cả nước nhằm đủ khả năng cung cấp tất cả các loại dịch vụ logistics cho khách hàng.
- Huy động nguồn lực tài chính từ các cổ đông, cũng như tạo sự đồng thuận trong các chủ trương đầu tư vào cơ sở vật chất phục vụ cho dịch vụ kinh doanh cốt lõi của Công ty là logistics.
- Tăng cường tự đào tạo nguồn nhân lực, bảo đảm nguồn nhân lực đáp ứng theo nhu cầu phát triển của Công ty.



Tình hình hoạt động trong năm	28
Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc	39
Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty	44
Báo cáo đánh giá của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	52
Báo cáo của Ban Kiểm soát	55
Quản trị công ty	59
Báo cáo tài chính hợp nhất	63

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm tài chính 2024:

Đơn vị tính: Triệu đồng					
STT	Khoản mục	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		
			Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	% thực hiện 2024 so với năm 2023
1	Doanh thu hợp nhất	2.389.818	2.895.386	3.325.665	139,16%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (LNTT)	237.409	418.887	238.153	100,31%
3	Tỷ trọng LNTT/Tổng Doanh thu	9,93%	14,47%	7,16%	72,09%
4	Cổ tức (tiền mặt và/hoặc cổ phiếu)	30%	15%-20%	12%	

- Doanh thu hợp nhất năm 2024 đạt 3.325,7 tỷ đồng, hoàn thành 114,86% kế hoạch năm 2024, và bằng 139,16% so với năm 2023.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2024 đạt 238,1 tỷ đồng, hoàn thành 56,85% kế hoạch năm 2024 và bằng 100,31% so với năm 2023.
- Sản lượng các mảng hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty năm 2024 so với năm 2023 như sau:
 - Năm 2024, tổng sản lượng thông qua hệ thống kho của toàn Công ty đạt 1.848.153 tấn hàng hóa, bằng 96,4% so với năm 2023, trong đó: kho tổng hợp đạt 772.405 tấn, kho CFS đạt 541.720 tấn, kho lạnh và kho mát đạt 335.436 tấn, kho ngoại quan 166.359 tấn, kho Air-con và kho cấp đông 32.233 tấn.
 - Sản lượng container thông qua Cảng ICD Transimex đạt 285.372 teus (tăng 23% so với năm 2023).
 - Sản lượng vận chuyển container đường thủy nội địa đạt 297.035 teus (tăng 39,5% so với năm 2023). Sản lượng vận chuyển container đường bộ đạt 37.609 chuyến (bằng 99,2% năm 2023).
 - Sản lượng vận chuyển hàng bách hóa đạt 49.983 chuyến (tăng 16,8% so với năm 2023). Sản lượng thực hiện dịch vụ logistics đạt 42.124 teus hàng nhập xuất đường biển (tăng 26,9% so với năm 2023) và 458 tấn hàng nhập xuất đường hàng không.
 - Sản lượng thực hiện dịch vụ đại lý giao nhận quốc tế đạt 24.677 teus hàng FCL, 2.420 CBM hàng LCL, 24,8 tấn hàng nhập xuất đường hàng không.
 - Dịch vụ đại lý vận chuyển container quốc tế (Hãng tàu Dongjin): Công ty đã thực hiện dịch vụ vận chuyển quốc tế từ cảng đến cảng với tổng sản lượng là 41.863 teus.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch Hội đồng quản trị	0,59%
2	Ông Lê Duy Hiệp	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	0,44%
3	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	14,49%
4	Ông Toshiyuki Matsuda	Thành viên Hội đồng quản trị	0,02%
5	Ông Charvanin Bunditkitsada	Thành viên Hội đồng quản trị	0,00%
6	Ông Võ Hoàng Giang	Thành viên Hội đồng quản trị	0,00%
7	Ông Huỳnh An Trung	Thành viên Hội đồng quản trị	0,00%

BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Vũ Chinh	Trưởng Ban kiểm soát	0,46%
2	Bà Lê Thị Tường Vy	Thành viên Ban kiểm soát	0,00%
3	Bà Nguyễn Kim Hậu	Thành viên Ban kiểm soát	0,00%

BAN ĐIỀU HÀNH

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Thành viên Ban điều hành	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Lê Duy Hiệp	1963	Cử nhân ngành Kinh tế	11/2010	0,44%
2	Ông Lê Phúc Tùng	1971	Cử nhân ngành Tiếng Anh	04/2018	0,05%
3	Ông Nguyễn Hoàng Hải	1971	Cử nhân ngành Kinh tế vận tải thủy - bộ	01/2023	0,00%
4	Ông Nguyễn Chí Đức	1969	Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh	07/2008	0,48%

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN TRƯỞNG

STT	Thành viên Ban điều hành	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Lê Văn Hùng	1976	Cử nhân ngành Kế toán	11/2018	0,00%
2	Ông Phạm Xuân Quang	1986	Thạc sĩ ngành Kế toán	03/2024	0,00%

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại Transimex, con người được xem là tài sản quý giá nhất và nguồn lực quan trọng của công ty. Transimex đã xây dựng được đội ngũ cán bộ nhân viên có nhiều năm kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao, có quyết tâm phát triển nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm, tinh thần kỷ luật cao và luôn chủ động trong công việc. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo nhạy bén, có khả năng và kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp.

Những thành viên đó đã hợp thành một đội ngũ mạnh cùng chung mục tiêu nâng cao vị thế của Transimex, trở thành một trong những công ty logistics hàng đầu của Việt Nam.

• Chính sách tiền lương, đãi ngộ, phúc lợi.

Transimex luôn hiểu rằng, chính sách tiền lương và đãi ngộ tốt sẽ là yếu tố quan trọng để thu hút và giữ chân nhân tài. Chính sách tiền lương được xây dựng chặt chẽ, quy định một cách cụ thể, rõ ràng các quyền lợi, chính sách, chế độ mà người lao động được hưởng; có tính cạnh tranh, thu hút nguồn lao động chất lượng trên thị trường cũng như khuyến khích người lao động làm việc một cách chủ động, hiệu quả, tự phấn đấu phát triển bản thân để nâng cao thu nhập, từ đó hình thành động lực phát triển chung trong toàn Công ty. Chính sách tiền lương bao gồm hệ thống thang, bảng lương trong đó ngạch, bậc lương của người lao động được xếp theo từng vị trí công việc, trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Người lao động được trả lương theo hiệu quả kinh doanh của Phòng ban/Công ty và theo kết quả hoàn thành công việc của cá nhân.

Chính sách khen thưởng được áp dụng để ghi nhận thành tích, nỗ lực, đóng góp của từng cá nhân và tập thể. Hàng năm, Công ty tổ chức đánh giá, xếp loại và thưởng cho các cá nhân, tập thể đạt danh hiệu xuất sắc. Ngoài ra, các chính sách thưởng khác như: thưởng đột xuất cho những cá nhân có thành tích vượt bậc, thưởng theo chỉ tiêu doanh số, lợi nhuận, sản lượng; thưởng vào các dịp lễ, Tết, ...

Bên cạnh đó, hàng năm, Công ty tổ chức các hoạt động mừng ngày 8/3 và 20/10 cho các lao động nữ trong Công ty như mời chuyên gia về chia sẻ các chủ đề liên quan đến phụ nữ, tặng quà, tổ chức thi nấu ăn, thi cắm hoa, ...; tặng quà cho các cháu thiếu nhi là con của cán bộ nhân viên vào ngày Quốc tế thiếu nhi, trao các suất học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho các cháu có thành tích học tập xuất sắc; tặng quà tết Trung thu, quà Tết Nguyên đán với mục đích chăm lo tốt hơn cho đời sống của người lao động.

Tổ chức các chương trình tham quan, du lịch tại các địa danh nổi tiếng trong nước và nước ngoài cho toàn bộ người lao động. Ngoài ra, cá nhân có thành tích xuất sắc trong năm được tham gia thêm chuyến du lịch tại nước ngoài như Hàn Quốc, Singapore, Malaysia; và cán bộ quản lý xuất sắc được tham quan các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước Châu Âu.

• Tuyển dụng nguồn nhân lực có chất lượng cao.

Công tác tuyển dụng luôn được cải tiến và áp dụng nhiều hình thức khác nhau, chú trọng xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng để chiêu mộ nhân tài và thu hút nguồn ứng viên chất lượng cao trên thị trường. Mỗi chức danh công việc đều có mô tả công việc cụ thể, có tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, kỹ năng và thái độ. Việc tuyển dụng được thông báo công khai, được phỏng vấn và đánh giá công tâm, bình đẳng, minh bạch, khách quan và tuân thủ theo đúng quy trình tuyển dụng của Công ty, nhờ vậy, đã mang lại cho Công ty nguồn nhân lực đáp ứng được nhu cầu phát triển của Công ty và xây dựng được đội ngũ cán bộ nguồn cho tương lai.

• Môi trường làm việc lý tưởng.

Transimex không ngừng tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và đề cao tinh thần hợp tác. Xây dựng tinh thần đồng đội và tăng cường mối quan hệ giữa các đồng nghiệp thông qua các hoạt động nhóm.

Transimex đã đầu tư cải tạo văn phòng làm việc, cung cấp cho người lao động không gian làm việc tiện ích, thoải mái, rộng rãi và hiện đại; đồng thời, ưu tiên ứng dụng các nền tảng làm việc trực tuyến, áp dụng chuyển đổi số, giảm các thủ tục giấy tờ đã giúp tạo lợi thế cạnh tranh cho Công ty, đảm bảo tính liên tục và hiệu quả công việc.

Đề cao sự công bằng, văn minh và tôn trọng cá nhân. Cán bộ nhân viên được khuyến khích phát huy năng lực và đóng góp ý tưởng.

• Chính sách phát triển nghề nghiệp, thăng tiến.

Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho tất cả người lao động trong Công ty, các vị trí quản lý được bổ nhiệm thông qua đánh giá công khai, minh bạch bởi người quản lý trực tiếp và gián tiếp về kiến thức, kỹ năng, thái độ, kinh nghiệm và hiệu quả công việc.

Ưu tiên phát triển nguồn nhân sự nội bộ thông qua việc luân chuyển nhân sự trong tập đoàn, đảm bảo sắp xếp đúng người, đúng việc, tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy được hết các thế mạnh của mình.

Công tác quy hoạch, định biên nhân sự được thực hiện dưới sự chỉ đạo của Ban điều hành Công ty, được thực hiện hàng năm nhằm đảm bảo và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán sự ổn định, duy trì và phát triển đội ngũ cán bộ.

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị tính: VND		
Tên Công ty	Năm 2024	
	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
Công ty con		
Công Ty Cổ Phần Transimex Logistics	255.129.524.908	29.113.757.957
Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Transimex	61.913.717.908	17.079.025.194
Công Ty TNHH MTV Trung Tâm Phân Phối Transimex	23.136.343.330	88.339.666
Công Ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	184.030.360.696	78.678.785.597

Đơn vị tính: VND

Tên Công ty	Năm 2024	
	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Logistics Thăng Long	107.060.511.491	7.752.676.398
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Logistics Vĩnh Lộc	-	1.094.538.499
Công Ty Cổ Phần Vinafreight	1.773.056.788.244	101.683.777.267
Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Long An	51.893.743.587	24.859.896.184
Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	41.555.417.530	904.974.406
Công Ty Cổ Phần Transimex Shipping	5.021.811.479	(3.823.824.204)
Công Ty Cổ Phần Cảng Transimex	351.636.177.095	107.452.513.669
Công Ty Cổ Phần Logistics Long An	18.353.444.818	(48.612.854.945)
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải Và Thương Mại	3.344.928.808	2.703.640.168
Công Ty Cổ Phần Cảng Mipex	102.989.541.622	(125.671.924.845)
Công Ty Cổ Phần Chuỗi Cung Ứng AP	-	(60.530.577)
Công ty liên doanh, liên kết		
Công Ty Liên Doanh TNHH Nippon Express (Việt Nam)	3.021.999.422.696	137.593.053.635
Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Và Đầu Tư Chợ Lớn	517.630.274.302	220.213.779.697
Công Ty TNHH Vận Tải Container Hải An	2.661.948.152.343	226.510.040.225
Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương	1.433.454.597.621	8.352.145.700
Công Ty Cổ Phần Thủy Đặc Sản	564.528.451.004	27.753.034.777
Công Ty Cổ Phần Điện Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc	194.281.371.049	2.156.345.186

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	7.999.081.302.473	8.397.171.613.771	5,0%
Doanh thu thuần	2.389.818.300.795	3.325.664.683.968	39,2%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	210.769.125.568	267.534.610.405	26,9%
Lợi nhuận khác	26.640.044.946	(29.381.158.318)	-210,3%
Lợi nhuận trước thuế	237.409.170.514	238.153.452.087	0,3%
Lợi nhuận sau thuế	196.133.821.322	170.169.834.108	-13,2%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	186%	112%	-40,1%

Các chỉ tiêu khác:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,92	1,46	-23,5%
- Hệ số thanh toán nhanh	1,90	1,45	-23,5%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,36	0,39	6,7%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,57	0,63	11,0%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
- Vòng quay hàng tồn kho	139,35	196,73	41,2%
- Vòng quay tổng tài sản	0,35	0,41	15,2%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,08	0,05	-37,7%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,04	0,03	-14,1%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	0,02	-17,4%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,09	0,08	-8,8%

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành:	169.336.335 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành:	Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	169.336.335 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	3.698 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ:	11.619 cổ phần

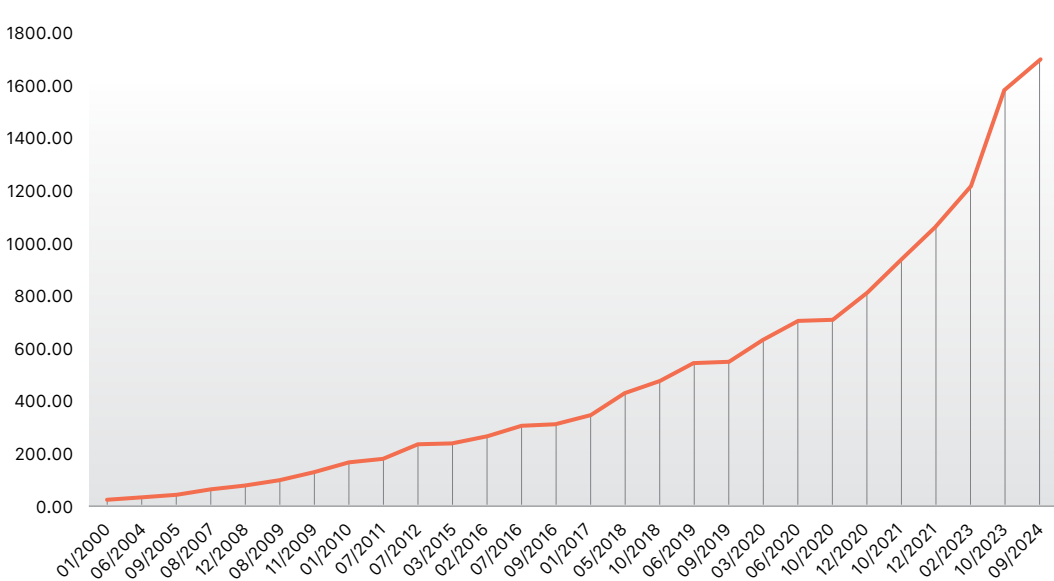
Cơ cấu cổ đông (theo danh sách cổ đông chốt ngày 24/09/2024):

Stt	Cơ cấu	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	5.290.101	3,12%	1	1	0
2	Cổ đông sáng lập					
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
3	Cổ đông lớn (sở hữu 5% từ vốn cổ phần trở lên)	154.389.949	91,17%	8	7	1
	- Trong nước	83.760.676	49,46%	5	5	0
	- Nước ngoài	70.629.273	41,71%	3	2	1

Stt	Cơ cấu	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
4	Công đoàn Công ty	21	0,00%	1	1	0
5	Cổ phiếu quỹ	11.619	0,01%	1	1	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)					
7	Cổ đông khác	9.656.264	5,70%	1.588	35	1.553
	- Trong nước	8.136.068	4,80%	1.413	20	1.393
	- Nước ngoài	1.520.196	0,90%	175	15	160
	TỔNG CỘNG	169.347.954	100,00%	1.599	45	1.554
	Trong đó: - Trong nước	97.198.485	57,40%	1.421	28	1.393
	- Nước ngoài	72.149.469	42,60%	178	17	161

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tình hình thay đổi vốn của Transimex (Tỷ VND)



6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tác động lên môi trường:

Công ty tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển logistics bền vững thông qua việc phát triển logistics xanh, luôn chú trọng và hướng đến sử dụng các công nghệ tiên tiến để bảo vệ môi trường trong quá trình hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ logistics và áp dụng bộ tiêu chuẩn ESG. Các hoạt động cụ thể như sau:

- Tổ chức tập huấn về quản lý chất thải nguy hại cho CBNV Công ty.
- Ký hợp đồng thu gom chất thải nguy hại và chuyển giao chất thải nguy hại cho Công ty môi trường đô thị, báo cáo và cung cấp chứng từ xử lý chất thải nguy hại về Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định.

- Công ty đã đầu tư các hệ thống lọc nước hiện đại để lọc 100% nước thải trong quá trình hoạt động trước khi thải ra môi trường.
- Tạo ra nơi làm việc xanh - sạch - đẹp, chú trọng đầu tư các mảng xanh trong khuôn viên văn phòng, kho bãi của Công ty, đồng thời, phát động phong trào vệ sinh nơi làm việc và khu vực xung quanh văn phòng, kho bãi của Công ty, chăm sóc và trồng thêm cây xanh, cây ăn trái để tạo mảng xanh và phủ xanh khu vực làm việc, tạo môi trường làm việc trong lành cho người lao động.
- Công ty chú trọng sử dụng các sản phẩm, phương tiện nhằm tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu khí thải, cụ thể:
 - Đối với các xe, phương tiện sử dụng nhiên liệu đốt, Công ty đề cao và ưu tiên lựa chọn các hãng xe đến từ các nước Châu Âu có yêu cầu nghiêm ngặt về tiêu chuẩn khí thải Euro 5, một trong những tiêu chuẩn khí thải cao nhất hiện nay.
 - Đối với các phương tiện xe nâng sử dụng trong kho, Công ty đầu tư 100% loại xe nâng sử dụng bình điện.
 - Chuyển đổi và tăng cường sử dụng các giải pháp hạn chế việc sử dụng các chất thải như: sử dụng dây đai gia cố hàng hóa chất lên kệ thay cho màng co PE (làm từ hạt nhựa Polyethylene) khó phân hủy.
 - Sử dụng các loại bóng LED có tuổi thọ cao, thân thiện với môi trường mặc dù chi phí cao hơn các loại bóng thông thường.
 - Tổ chức vận động CBNV Công ty mang theo bình nước, ly nước để hạn chế sử dụng chai nước bằng nhựa.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 23.964 tấn.
- Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 61% (Công ty không trực tiếp tái chế mà chuyển nhượng cho các bên thu gom nguyên vật liệu để tái chế).

Tiêu thụ năng lượng:

- Tổng lượng điện tiêu thụ trong năm của Transimex là 16.707.368 KWh.
- Tổng năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả là 7.353.000 KWh, giảm khối lượng khí thải CO2 ra môi trường khoảng 5.912 tấn/năm.
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng và kết quả của các báo cáo:
 - Cài đặt ngắt tự động hệ thống đèn chiếu sáng, điều hòa không khí và các thiết bị sử dụng năng lượng nhằm tiết kiệm điện.
 - Công ty đã tăng cường sử dụng công nghệ để giảm thiểu phát thải nhà kính, cụ thể là đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời nhằm giải quyết nhu cầu tiêu thụ điện tại doanh nghiệp và góp phần bảo vệ môi trường, giảm áp lực cho mạng lưới truyền tải điện quốc gia. Tiếp tục phát huy hiệu quả của các dự án đã được triển khai và nghiệm thu thành công trong hệ thống các Công ty con trong tập đoàn Transimex, cụ thể như sau:
 - + Dự án điện năng lượng mặt trời tại cảng ICD Transimex với diện tích mái 6.600 m², cho công suất 718 KWp.
 - + Dự án điện năng lượng mặt trời tại Trung tâm Logistics khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích mái 8.600 m², cho công suất 916 KWp.

- + Dự án điện năng lượng mặt trời tại Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng với diện tích mái 4.200 m², cho công suất 729 KWp.
- + Dự án điện năng lượng mặt trời tại Trung tâm Logistics Thăng Long với diện tích mái 10.100 m², cho công suất 999 KWp.
- + Dự án điện năng lượng mặt trời tại Kho lạnh Long An với diện tích mái 10.700 m², cho công suất 1.654 KWp.
- + Dự án điện năng lượng mặt trời tại Kho APSC khu công nghiệp VSIP IIA Bình Dương với diện tích mái 2.071 m², cho công suất 132 KWp.
- + Tổng công suất các dự án năng lượng mặt trời áp mái đầu tư là 5.148 KWp, tổng mức bình quân hàng năm sẽ sản xuất điện năng khoảng 7.353.000 KWh, giảm khối lượng khí thải CO2 ra môi trường khoảng 5.912 tấn/năm.

Tiêu thụ nước:

Các đơn vị trong tập đoàn Transimex sử dụng nước do Công ty cấp nước cung cấp, tổng lượng nước sử dụng năm 2024 là 111.737 m³.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Trong năm 2024, Công ty tuân thủ nghiêm túc luật pháp và các quy định về môi trường, không bị xử phạt vi phạm.

Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
 - Số lượng nhân viên của Transimex tại ngày 31/12/2024 là 1.265 người.
 - Mức lương trung bình là: 14.440.444 VND/người.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Transimex luôn chú trọng việc chăm lo cho sức khỏe và sự an toàn của người lao động. Transimex hiểu rằng khi sức khỏe thể chất và tinh thần của người lao động được đảm bảo thì hiệu quả công việc sẽ được nâng cao.
- Transimex cũng luôn đảm bảo công tác an toàn lao động tại nơi làm việc, thường xuyên tổ chức các chương trình tập huấn an toàn lao động định kỳ và hướng dẫn, thị phạm thực tế tại nơi làm việc.
- Tổ chức các hoạt động thể thao và khuyến khích tham gia giúp người lao động duy trì một lối sống lành mạnh.
- Định kỳ thực hiện các chương trình kiểm tra sức khỏe cho người lao động với chế độ cao hơn mức quy định của nhà nước.
- Hằng năm tổ chức các hoạt động chào mừng cũng như tặng quà cho cán bộ nhân viên dịp 8/3, 20/10, Tết Trung thu, Tết nguyên đán...; tổ chức các chương trình du lịch trong và ngoài nước nhằm giúp cán bộ nhân viên có thời gian vui chơi và gắn kết sau những giờ làm việc căng thẳng.
- Transimex hiểu rằng trong khi công việc là một khía cạnh quan trọng trong cuộc sống của người lao động, thì sức khỏe của họ nên được ưu tiên trước nhất.

Hoạt động đào tạo người lao động:

- Trong năm 2024, Công ty đã tổ chức các hội thảo chuyên đề về pháp lý, kỹ thuật, các khóa tự



đào tạo nội bộ, cử đi đào tạo các kỹ năng, kiến thức chuyên môn và các khóa đào tạo định kỳ về An toàn lao động với tổng số giờ đào tạo là 8.010 giờ, trung bình cho mỗi nhân sự được tham gia tại các công ty tùy theo quy mô thường được đào tạo khoảng 25-40 giờ/người trong năm. Trong đó, cấp quản lý khoảng 15-23 giờ/ người, nhân viên khoảng 30-45 giờ/ người trong năm.

- Trong môi trường kinh doanh ngày nay, việc phát triển kỹ năng cho nhân viên không chỉ là một điều cần thiết mà còn là một yếu tố quan trọng để nâng cao năng suất làm việc và giữ chân nhân tài cho doanh nghiệp. Nhân viên được xem có vai trò đóng góp quan trọng trong sự thành công của mỗi tổ chức. Tuy nhiên, với sự biến đổi liên tục của công nghệ và yêu cầu kỹ năng ngày càng phức tạp, việc chỉ dựa vào kiến thức và kinh nghiệm truyền thống không còn đảm bảo cho sự phát triển và tồn tại của doanh nghiệp.
- Trong các năm gần đây, Transimex bằng việc tập trung vào việc phát triển và nâng cao năng lực của nhân viên, không chỉ giúp họ tự tin hơn trong công việc mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, phát triển kỹ năng cho nhân viên mang lại nhiều lợi ích quan trọng cho tổ chức:
 - Đầu tiên, việc tạo ra một môi trường làm việc đầy động lực và sáng tạo làm cho nhân viên cảm thấy được đầu tư và phát triển. Khi nhân viên nhận thấy sự quan tâm và sự phát triển của họ được coi trọng, họ trở nên đầy động lực và niềm đam mê để hoàn thành công việc một cách tốt nhất. Điều này dẫn đến tăng cường hiệu suất làm việc và đóng góp tích cực vào sự thành công của tổ chức.
 - Thứ hai, phát triển kỹ năng giúp nhân viên nắm bắt kiến thức mới và rèn luyện kỹ năng chuyên môn. Trong một thế giới liên tục thay đổi, việc tiếp tục học tập và nâng cao kỹ năng trở thành điều cần thiết để nhân viên có thể theo kịp sự tiến bộ và thích ứng với môi trường làm việc mới. Việc đầu tư vào việc phát triển kỹ năng, tổ chức giúp nhân viên nắm bắt những xu hướng mới và áp dụng kiến thức và kỹ năng mới vào công việc hàng ngày.
 - Để thực hiện được điều đó, Transimex đã đánh giá nhu cầu phát triển kỹ năng của nhân viên. Điều này có thể được thực hiện thông qua cuộc trao đổi với nhân viên, đánh giá hiệu suất làm việc và xác định các kỹ năng cần thiết cho các vai trò và công việc cụ thể. Đánh giá nhu cầu phát triển kỹ năng giúp xác định các mục tiêu cụ thể và tập trung vào việc phát triển những kỹ năng quan trọng nhất để đáp ứng yêu cầu công việc. Sau khi đánh giá nhu cầu phát triển kỹ năng, tổ chức cần xác định mục tiêu phát triển kỹ năng cụ thể. Mục tiêu này

nên được thiết lập theo từng cá nhân và có liên quan trực tiếp đến nhu cầu công việc và mục tiêu tổ chức. Có nhiều phương pháp khác nhau để phát triển kỹ năng cho nhân viên. Một số phương pháp phổ biến bao gồm:

- + Đào tạo và huấn luyện: Tổ chức có thể tổ chức các khóa học, buổi đào tạo hoặc huấn luyện để cung cấp kiến thức và kỹ năng mới cho nhân viên.
 - + Học tập tự phát: Tổ chức có thể khuyến khích nhân viên tự học thông qua việc cung cấp tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, và truy cập vào các nguồn học tập trực tuyến.
 - + Mentor và coaching: Tổ chức có thể cung cấp các chương trình mentor và coaching để nhân viên được hướng dẫn và hỗ trợ trong việc phát triển kỹ năng.
 - + Dự án và công việc thực tế: Tổ chức có thể cung cấp cơ hội cho nhân viên tham gia vào các dự án và công việc thực tế để rèn kỹ năng trong một môi trường thực tế.
- Transimex nhận thức rằng: sự phát triển cá nhân là một yếu tố quan trọng trong việc thích nghi và duy trì công việc trong môi trường làm việc hiện đại. Lãnh đạo và quản lý đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp hướng dẫn và phản hồi xây dựng. Tổ chức cần tạo ra môi trường học tập tích cực và cung cấp cơ hội đào tạo. Đồng thời, việc khuyến khích phát triển nghề nghiệp và đánh giá sự phát triển cá nhân là quan trọng.
 - Sự phát triển cá nhân mang lại lợi ích cho cả nhân viên và tổ chức. Nhân viên có cơ hội tiếp cận kiến thức mới, phát triển kỹ năng và tận dụng tiềm năng cá nhân. Điều này giúp họ trở nên tự tin hơn, đóng góp tốt hơn và cảm thấy hài lòng với công việc của mình. Đối với tổ chức, việc đầu tư vào sự phát triển cá nhân giúp thu hút và giữ chân nhân tài, tạo ra một môi trường làm việc tích cực và tăng cường sự cạnh tranh.
 - Trên hết, sự phát triển cá nhân là một quá trình liên tục và không bao giờ kết thúc. Trong tương lai, với sự phát triển tiếp tục của kinh tế và công nghệ, việc Transimex cam kết tiếp tục hỗ trợ và khuyến khích sự phát triển cá nhân sẽ trở nên ngày càng quan trọng. Tổ chức và cá nhân cần nhìn nhận giá trị của việc liên tục học hỏi, phát triển kỹ năng và định hình sự nghiệp theo cách phù hợp.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Tặng quà cho các em học sinh nghèo hiếu học, hỗ trợ quần áo ấm cho các em có hoàn cảnh khó khăn.
- Vận động cán bộ, đoàn viên, người lao động đóng góp ủng hộ chương trình “Satra vì biển đảo quê hương”.
- Xây dựng nhà tình nghĩa cho người dân có hoàn cảnh khó khăn.
- Thực hiện chương trình học bổng Nguyễn Đức Cảnh hàng năm cho con của CB-NV.
- Tham gia hiến máu nhân đạo tại các chương trình hiến máu tình nguyện.
- Tổ chức cho CB-NV định kỳ tham gia các hoạt động thu gom rác xung quanh môi trường làm việc.
- Phát động các phong trào vì xã hội, cộng đồng rộng rãi đến các CB-NV trong Công ty.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG

- Tình hình xuất nhập khẩu cả nước năm 2024 đạt kim ngạch 786,29 tỷ USD (tăng 15,4 % so với cùng kỳ năm 2023), trong đó mức tăng của nhập khẩu (16,7%) tăng cao hơn xuất khẩu (14%), qua đó mức phát triển của ngành Logistics cũng tăng tương ứng (15%/năm 2024).
- Tổng sản lượng container năm 2024 thông qua các Cảng của cả nước đạt 24,6 triệu teus, trong đó tổng sản lượng container nội địa năm 2024 đạt 6,9 triệu teus, mức tăng chung cho cả xuất nhập khẩu và nội địa là 15%.
- Tổng sản lượng hàng hóa hàng không năm 2024 đạt 1.500.000 tấn (trong đó sản lượng hàng hóa hàng không nội địa đạt 360.000 tấn), sản lượng xuất khẩu hàng không từ Thành phố Hồ Chí Minh có giảm so với năm 2023 (khoảng 10%), trong khi sản lượng hàng không thông qua sân bay Nội Bài tăng (10%).

2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH NĂM 2024 CẢ TẬP ĐOÀN

(Đvt: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		Thực hiện năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023	Thực hiện năm 2024 so với Kế hoạch năm 2024
		Kế hoạch	Thực hiện		
Doanh thu thuần hợp nhất	2.389.818	2.895.386	3.325.665	139,16%	114,86%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (LNTT)	237.409	418.887	238.153	100,31%	56,85%

- Doanh thu thuần hợp nhất năm 2024 đạt 3.325,7 tỷ đồng, bằng 139,16% so với thực hiện năm 2023 và hoàn thành 114,86% so với kế hoạch năm 2024.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2024 đạt 238,1 tỷ đồng, bằng 100,31% so với thực hiện năm 2023 và hoàn thành 56,85% so với kế hoạch năm 2024.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	1.816.920.221.683	2.025.328.189.001	11,5%
Tài sản dài hạn	6.182.161.080.790	6.371.843.424.770	3,1%
Phải trả ngắn hạn	948.724.617.936	1.382.555.725.063	45,7%
Phải trả dài hạn	1.940.279.470.127	1.854.765.243.698	-4,4%
Chi phí lãi vay	78.147.822.175	151.569.080.842	94,0%

III. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ - CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỌNG ĐIỂM

1. CTCP LOGISTICS LONG AN

- Đã tổ chức thành công Lễ khánh thành (Grand Opening) vào ngày 04/10/2024, tạo tiếng vang nhất định trong cộng đồng khách hàng sử dụng kho có bảo quản nhiệt độ.
- Đã đưa vào hoạt động kinh doanh kho lạnh tự động và dịch vụ cấp đông nhanh cùng với hoạt động kinh doanh khai thác kho lạnh truyền thống đưa vào khai thác từ tháng 09/2024. Hiện nay Ban điều hành Long An Logistics đang phối hợp chặt chẽ với Phòng Sales & Marketing Công ty mẹ để tìm kiếm khách hàng cho phần dịch vụ kho lạnh tự động, nâng cao tỷ lệ lấp đầy kho.
- Liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất và tài sản gắn liền với đất cho dự án Kho Lạnh Long An, Ban điều hành sẽ tiếp tục làm việc chặt chẽ với Khu công nghiệp và Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành các thủ tục pháp lý trong thời gian sớm nhất.
- Triển khai thi công nâng mái và di dời hệ thống điện mặt trời theo phương án được phê duyệt, dự kiến hoàn thành vào quý I – quý II/2025.

2. DỰ ÁN ĐẦU TƯ TẠI KHU CÔNG NGHIỆP VSIP II – BÌNH DƯƠNG DO CTCP CHUỖ CUNG ỨNG AP LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

- Ban điều hành đã hoàn thành các thủ tục xin Giấy phép xây dựng (Hoàn thành thủ tục đấu nối hạ tầng; Đăng ký môi trường; BQL KCN tỉnh Bình Dương đã phê duyệt qui hoạch 1/500; Được cấp chứng nhận thẩm duyệt thiết kế PCCC; BQL KCN tỉnh Bình Dương đã thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi và cấp phép xây dựng vào tháng 11/2024).
- Dự kiến khởi công xây dựng vào quý I năm 2025, hiện ban điều hành hoàn thành kế hoạch chọn thầu, đang triển khai mời thầu các gói thi công xây dựng.

3. DỰ ÁN ĐẦU TƯ TÀU VẬN TẢI CONTAINER 1.000-1.200 TEUS

Ban điều hành tại Công ty Cổ phần Transimex phối hợp với CTCP Vận Tải Và Thương Mại (TRANSCO) tiếp tục xúc tiến tìm kiếm tàu vận tải container. Giá tàu ước tính khoảng 14 - 15 triệu USD (chưa bao gồm VAT và các chi phí liên quan), dự kiến thời gian triển khai dự án vào Quý I – II năm 2025.

4. DỰ ÁN ĐÓNG MỚI 2 SÀ LAN (250 TEUS/ CHIẾC) CỦA CTCP CẢNG TRANSIMEX

Công ty đã thông qua chủ trương thực hiện đầu tư đóng mới 02 sà lan vận chuyển container với sức chở 250 TEUs mỗi chiếc. Tổng vốn đầu tư ước tính khoảng 54 tỷ đồng (chưa bao gồm VAT). Đã khởi công việc đóng mới 2 sà lan vào đầu tháng 11 và đầu tháng 12 năm 2024. Thời gian dự kiến đưa vào khai thác là tháng 07 và tháng 08 năm 2025 (thời gian đóng tàu dự kiến là 8 tháng).

5. DỰ ÁN ĐẦU TƯ VSIP CẦN THƠ

Phòng Quản trị và Đầu tư có báo cáo sơ bộ về khu đất thuộc Khu công nghiệp VISIP Cần Thơ, diện tích khu đất: 2,9 ha, vị trí tiếp giáp 3 mặt đường: 2 trục đường chính (đường N2 và D4) và 1 đường nhánh (đường D5), lộ giới rộng. Giá thương thảo 120 USD/m²/chu kỳ thuê; Thời hạn thuê đến năm 2072. Thời gian dự kiến đầu tư vào Quý II – III năm 2025.

IV. CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DỊCH VỤ VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH KINH DOANH DỊCH VỤ

- Ban điều hành phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, công ty con, phòng Sales & Marketing để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dịch vụ tại các đơn vị, công ty con như Thăng Long Logistics, Transimex SHTP Logistics, Transimex Port.
- Phối hợp chặt chẽ để tham gia các gói thầu dịch vụ với các khách hàng lớn như CRV, Coats-Phong Phú, Mondelez... bảo đảm sự hoàn thiện của hồ sơ, mức cạnh tranh về giá dịch vụ, cũng như các giải pháp cần thiết.
- Hỗ trợ tích cực cho hoạt động nghiệp vụ của các Phòng Đại Lý Dongjin, Phòng Đại Lý Giao Nhận. Tham gia công tác điều hành tại các công ty con, công ty liên kết theo chỉ đạo phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty mẹ bao gồm CTCP Transimex Logistics, CTCP Long An Logistics, CTCP Cảng Transimex, CTCP Vinafreight, CTCP Cảng Mipec, Công Ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Vector Quốc Tế, Công Ty Liên Doanh TNHH Nippon Express Vietnam.

2. VỀ CƠ CẤU, TỔ CHỨC

- Thực hiện các công tác quản trị công ty bao gồm sắp xếp lại cơ cấu tổ chức công ty, công tác kiểm soát nội bộ, công tác tăng cường quản trị chi phí, công tác quản trị đầu tư.... theo chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Tham gia công tác tìm kiếm khách hàng, hỗ trợ các công tác kinh doanh dịch vụ tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Thực hiện các công tác quản trị khác thông qua các ứng dụng công nghệ thông tin mới như ứng dụng các loại phần mềm quản lý nhân sự, quản lý chấm công, nghỉ phép, công tác (phần mềm HRIS), phần mềm quản lý phê duyệt SPRO, phần mềm quản lý kế toán, hoàn thiện các phần mềm quản lý kho/lưu kho/tồn kho tại các kho thuộc tập đoàn, cũng như tại các công ty liên kết.
- Tham gia các buổi họp giao ban tại tất cả các Công ty con hiện đang cần tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty mẹ.

V. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

1. KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2025

(Đvt: triệu đồng)

STT	Khoản mục	Kế hoạch năm 2025	Năm 2024		% Kế hoạch năm 2025 so với	
			Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2024
1	Doanh thu hợp nhất	3.383.956	2.895.386	3.325.665	101,75%	116,87%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (LNTT)	252.610	418.887	238.153	106,07%	60,31%

- Kế hoạch doanh thu hợp nhất năm 2025 là 3.383,9 tỷ đồng, tăng 1,75% so với doanh thu thực hiện năm 2024.
- Kế hoạch lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2025 là 252,6 tỷ đồng, tăng 6,07% so với lợi nhuận trước thuế hợp nhất thực hiện năm 2024.

2. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

- Tăng cường công tác quản trị và phát triển kinh doanh tại các công ty con bao gồm Mipec Port, Vinafreight, Vector, Vinatrans Đà Nẵng.
- Hỗ trợ phát triển kinh doanh tại các đơn vị đang cần khách hàng như Depot Bình Chiểu, Transimex DC, Thăng Long Logistics, Kho lạnh Long An, Vinatrans Đà Nẵng.
- Phát triển sản phẩm dịch vụ Logistics chuyên biệt mới (Pharmaceutical Logistics, Dangerous Cargo Logistics, Dịch vụ giao hàng chặng cuối).
- Phát triển Logistics Xanh thông qua việc đầu tư điện mặt trời tại các kho hàng chưa đầu tư điện mặt trời, phát triển các thiết bị nâng hạ sử dụng năng lượng điện như xe nâng container (Reachstacker), xe đầu kéo container sử dụng điện nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng nhiều từ các khách hàng lớn cũng như đáp ứng xu thế chung của toàn xã hội.
- Tăng cường công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, chú trọng công tác đào tạo, đào tạo lại cho cán bộ nhân viên nghiệp vụ, trách nhiệm xã hội cộng đồng.
- Cảng Mipec tập trung công tác tiếp cận các hãng tàu container nước ngoài, các hãng tàu container nội địa và các khách hàng tiềm năng.
- Tăng cường công tác quản trị, kiểm soát của công ty mẹ Transimex đối với các công ty con, công ty thành viên nhằm hoàn thiện công tác quản trị trong toàn tập đoàn.
- Tăng cường hợp tác dưới nhiều hình thức với các đối tác chiến lược nước ngoài nhằm đa dạng hóa danh mục khách hàng, sử dụng tối đa tài nguyên trong hệ sinh thái của toàn tập đoàn.
- Tiếp tục phát triển các hoạt động Logistics xanh, đáp ứng các yêu cầu mới mang tính toàn cầu về bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn hóa đối với lĩnh vực Logistics như ESG...

Trân trọng./.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC


Lê Duy Hiệp

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. THÔNG TIN CHUNG

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Về kết quả kinh doanh hợp nhất năm tài chính 2024 của Công ty:

		Đơn vị tính: Triệu đồng			
		Năm 2024		% thực hiện năm 2024 so với	
STT	Khoản mục	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2024
1	Doanh thu hợp nhất	2.389.818	2.895.386	3.325.665	139,16%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (LNTT)	237.409	418.887	238.153	100,31%
3	Tỷ trọng LNTT/Tổng Doanh thu	9,93%	14,47%	7,16%	72,09%
4	Cổ tức (tiền mặt và/hoặc cổ phiếu)	30%	15%-20%	12%	114,86%

2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KINH DOANH NĂM 2024

- Doanh thu hợp nhất năm 2024 đạt 3.325,7 tỷ đồng, hoàn thành 114,86% kế hoạch năm 2024, và bằng 139,16% so với năm 2023.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2024 đạt 238,1 tỷ đồng, hoàn thành 56,85% kế hoạch năm 2024 và bằng 100,31% so với năm 2023.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2024

1. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH

Trong năm tài chính 2024, HĐQT đã thực hiện đầy đủ vai trò quản trị, định hướng và giám sát đối với hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ. Cụ thể:

- (a) Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty và có sự tham dự của Ban điều hành, Trưởng Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.
- (b) HĐQT đã trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình ĐHCĐ biểu quyết tại Đại hội. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, phê duyệt các tờ trình của Ban điều hành và nghe Ban điều hành báo cáo tình hình và kết quả kinh doanh của Công ty định kỳ.
- (c) Kết quả biểu quyết các vấn đề đều đạt đồng thuận cao, các Biên bản, Nghị quyết của HĐQT đều có sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.
- (d) Ngoài ra, HĐQT cũng chủ trì và chỉ đạo sâu sát các phòng ban liên quan tiến hành lập và công bố Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024 kịp thời, minh bạch và đúng quy định.

2. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT VÀ CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

- Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 14 phiên họp định kỳ và bất thường, bao gồm cả hình thức trực tiếp và lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản, ban hành 28 Nghị quyết để thông qua các vấn đề điều hành hoạt động của Công ty. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ của Công ty.
- Các thành viên HĐQT tích cực tham gia, đóng góp ý kiến và biểu quyết thông qua các quyết định. Biên bản và Nghị quyết của HĐQT đều được sự thống nhất và biểu quyết thông qua với tỷ lệ tán thành 100% của các thành viên HĐQT. Cụ thể các Nghị quyết HĐQT đã được thông qua như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	17/NQ.HĐQT NK6-TMS	22/02/2024	1. Thông qua chấp thuận Hợp đồng, giao giữa Transimex với người có liên quan của Transimex theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 167 Luật doanh nghiệp 2024 và Điều lệ Transimex. 2. Thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Transimex tại Công ty TNHH MTV Trung Tâm Phân Phối Transimex.
2.	18/NQ.HĐQT NK6-TMS	04/03/2024	1. Thông qua kế hoạch tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. 2. Thông qua phê duyệt các nội dung trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.
3.	19/NQ.HĐQT NK6-TMS	04/03/2024	1. Thông qua Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024. 2. Thông qua Báo cáo hoạt động tại chính, hoạt động đầu tư năm 2023. 3. Thông qua Báo cáo hoạt động đầu tư các dự án năm 2023 và kế hoạch năm 2024. 4. Thông qua Báo cáo thực hiện chi phí lương, chi phí khen thưởng, phúc lợi năm 2023 và kế hoạch chi phí lương, chi phí khen thưởng, phúc lợi năm 2024. 5. Thông qua báo cáo thực hiện chi quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023. 6. Thông qua mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2024. 7. Thông qua chào bán riêng lẻ 300 tỷ đồng trái phiếu trơn, không chuyển đổi. 8. Thông qua phương án vay vốn ngắn hạn từ các ngân hàng nước ngoài. 9. Thông qua hạn mức vay vốn lưu động. 10. Thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Chuối Cung ứng AP. 11. Thông qua việc thay đổi địa điểm trụ sở và văn phòng làm việc của Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hải Phòng. 12. Thông qua Quy chế công bố thông tin công ty đại chúng. 13. Thông qua chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Transimex với người có liên quan của Transimex theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Transimex. 14. Thông qua việc tái bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc.

Số Nghị quyết/ Stt Quyết định		Ngày	Nội dung
			15. Thông qua việc miễn nhiệm Kế toán trưởng hiện tại và bổ nhiệm Kế toán trưởng mới.
			16. Thông qua việc thay đổi thời hạn bổ nhiệm một số chức vụ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
			17. Thông qua việc thay đổi đề cử và giới thiệu Người đại diện vốn của Transimex bổ nhiệm tại một số công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
			18. Thông qua chủ trương chia tách Phòng Nhân sự & Hành chính Transimex.
4.	20/NQ.HĐQT NK6-TMS	04/04/2024	1. Thông qua việc giảm vốn điều lệ của công ty con (100% vốn chủ sở hữu) - Công ty TNHH MTV Trung Tâm Phân Phối Transimex. 2. Thông qua việc điều chỉnh phương án nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Chuối Cung Ứng AP và thông qua chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Transimex với người có liên quan của Transimex theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Transimex.
5.	21/NQ.HĐQT NK6-TMS	04/04/2024	Thông qua việc phê duyệt bổ sung và cập nhật các nội dung để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
6.	22/NQ.HĐQT NK6-TMS	20/04/2024	1. Thông qua điều chỉnh (lần 2) phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần riêng lẻ kết thúc vào 31/12/2021. 2. Thông qua việc phê duyệt bổ sung và cập nhật các nội dung để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Transimex.
7.	23/NQ.HĐQT NK6-TMS	24/04/2024	Thông qua việc phê duyệt bổ sung và cập nhật các nội dung để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
8.	24/NQ.HĐQT NK6-TMS	23/05/2024	1. Thông qua điều chỉnh giá nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Chuối Cung ứng AP đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết số 19/NQ.HĐQT NK6-TMS ngày 04 tháng 3 năm 2024 và Nghị quyết số 20/NQ.HĐQT NK6-TMS ngày 04 tháng 4 năm 2024. 2. Thông qua việc triển khai thực hiện việc lấy ý kiến người sở hữu trái phiếu TMSH2126001.
9.	25/NQ.HĐQT NK6-TMS	04/07/2024	1. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 về kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm 2024. 2. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động tài chính, hoạt động, đầu tư 6 tháng đầu năm 2024. 3. Thông qua Báo cáo tình hình đầu tư các dự án 6 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2024. 4. Thông qua việc điều chỉnh phương án vay vốn ngắn hạn tại các ngân hàng nước ngoài đã được thông qua tại Điều 8 của Nghị Quyết Hội đồng số 19/NQ/HĐQT NK6-TMS ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Transimex. 5. Thông qua việc chấp thuận vay vốn tại Công ty Cổ phần Vinafreight và theo quy định tại khoản 2 Điều 164 và Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Transimex.

Số Nghị quyết/ Stt Quyết định		Ngày	Nội dung
			6. Thông qua việc gia hạn các khoản vay cho Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận tải Miền Trung và chấp thuận hợp đồng, giao dịch liên quan giữa Transimex với Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận tải Miền Trung theo quy định tại khoản 2 Điều 164 và khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Transimex.
			7. Thông qua việc Transimex tăng vốn góp tại Công ty Cổ phần Chuối cung ứng AP ("Công ty APSC") theo phương án mua cổ phiếu cho Công ty APSC phát hành và chào bán cho cổ đông hiện hữu.
			8. Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Transimex.
			9. Thông qua việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của các công ty con - Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Transimex.
			10. Thông qua gia hạn các khoản vay cho Công ty Cổ phần Chuối cung ứng AP và chấp thuận hợp đồng, giao dịch liên quan giữa Transimex với Công ty Cổ phần Chuối cung ứng AP theo quy định tại khoản 2 Điều 164 và khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Transimex.
10.	26/NQ.HĐQT NK6-TMS	04/07/2024	Thông qua việc đề cử và giới thiệu Người đại diện vốn của Transimex tại một số công ty con, công ty liên kết của Transimex.
11.	27/NQ.HĐQT NK6-TMS	04/07/2024	1. Thông qua việc triển khai thực hiện phương án chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ.ĐHĐCĐ-TMS ngày 25/4/2024 của Transimex. 2. Thông qua trình tự thực hiện các phương án phát hành, chào bán chứng khoán và triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 của Transimex.
12.	28/NQ.HĐQT NK6-TMS	04/07/2024	Thông qua việc sửa đổi điều kiện, điều khoản Trái phiếu Công ty Cổ phần Transimex TMSH2126001, mã trái phiếu TMS12101.
13.	29/NQ.HĐQT NK6-TMS	04/07/2024	Thông qua phương án mua lại trước hạn trái phiếu TMSH2126001.
14.	30/NQ.HĐQT NK6-TMS	09/08/2024	1. Thông qua việc triển khai thực hiện phương án chào bán trái phiếu riêng lẻ lần 1 năm 2024, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản bảo đảm của Transimex. 2. Thông qua việc dừng triển khai phương án chào bán 300 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ, không chuyển đổi đã được thông qua tại Điều 7 của Nghị quyết Hội đồng quản trị số 19/NQ/HĐQT NK6-TMS ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Transimex và thay thế bằng Phương Án Phát Hành.
15.	31/NQ.HĐQT NK6-TMS	14/08/2024	Thông qua việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thái Nhi, Quyền Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị giữ chức vụ Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị Transimex kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2028.
16.	32/NQ.HĐQT NK6-TMS	20/08/2024	1. Thông qua việc đăng ký trái phiếu Transimex TMSH2426001 ("Trái Phiếu") được phát hành theo Nghị Quyết số 30 tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			2. Thông qua việc giao quyền và triển khai thực hiện các công việc nêu tại Điều 1 Nghị quyết này.
17.	33/NQ.HĐQT NK6-TMS	30/09/2024	1. Thông qua việc tăng vốn góp tại các công ty con của Transimex. 2. Thông qua việc ngưng thực hiện việc góp thêm vốn tại Công ty Cổ phần Transimex Hi-Tech Logistics theo phương án đã được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Transimex ("Transimex") thông qua tại Nghị quyết số 52/NQHĐQT NK5-TMS ngày 09 tháng 9 năm 2022 ("Nghị quyết số 52"). 3. Thông qua việc gia hạn khoản vay cho Công ty Cổ phần Chuỗi Cung ứng AP và chấp thuận hợp đồng, giao dịch liên quan giữa Công ty với Công ty Cổ phần Chuỗi Cung ứng AP theo quy định tại khoản 2 Điều 164 và khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Transimex. 4. Thông qua việc thôi nhiệm vụ Người đại diện vốn của Transimex đối với bà Lê Hoàng Như Uyên tại một số công ty con, công ty liên kết.
18.	34/NQ.HĐQT NK6-TMS	30/09/2024	Thông qua chủ trương đầu tư đóng mới 01 Sà lan 250 teus cho Transimex và 01 Sà lan 250 teus cho Công ty Cổ phần Cảng Transimex.
19.	35/NQ.HĐQT NK6-TMS	30/09/2024	Thông qua việc miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc Transimex.
20.	36/NQ.HĐQT NK6-TMS	30/09/2024	1. Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Đà Nẵng. 2. Thông qua việc thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ và cập nhật nội dung sửa đổi Điều lệ cho Transimex.
21.	37/NQ.HĐQT NK6-TMS	01/11/2024	1. Thông qua tình hình hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch kinh doanh 3 tháng cuối năm 2024. 2. Thông qua tình hình hoạt động tài chính, hoạt động đầu tư 9 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2024. 3. Thông qua tình hình đầu tư các dự án 9 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2024. 4. Thông qua việc bổ sung một số nội dung trong Bảng phân cấp, phân quyền đính kèm Quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý, điều hành hoạt động doanh nghiệp của Transimex. 5. Thông qua việc điều chỉnh phương án đầu tư đóng mới 02 (hai) sà lan 250 teus cho Transimex và Công ty Cổ Phần Cảng Transimex - công ty con. 6. Thông qua việc thay đổi đề cử và giới thiệu Người đại diện vốn của Transimex tại các công ty con và các công ty liên kết. 7. Thông qua việc chấp thuận gia hạn khoản vay vốn tại Công Ty Cổ Phần Dịch vụ Logistics Thăng Long và chấp thuận hợp đồng, giao dịch liên quan giữa Transimex với Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Logistics Thăng Long Theo quy định tại khoản 2 Điều 164 và khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp năm 2020 và Điều lệ Transimex.
22.	38/NQ.HĐQT NK6-TMS	01/11/2024	Thông qua nội dung triển khai chi tiết phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Transimex thông qua tại Nghị Quyết số 01/2024/NQ.ĐHĐCĐ-TMS ngày 25/04/2024.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
23.	39/NQ.HĐQT NK6-TMS	01/11/2024	Thông qua phương án vay vốn ngắn tại Ngân hàng Cathay United Bank.
24.	40/NQ.HĐQT NK6-TMS	01/11/2024	1. Thông qua việc tái bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên cho nhiệm kỳ 2024-2029 của Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex. 2. Thông qua mức sinh hoạt phí cho các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên của Transimex Property.
25.	41/NQ.HĐQT NK6-TMS	01/11/2024	Thông qua việc thay đổi mục đích sử dụng vốn trái phiếu TMSH2326001 và thực hiện lấy ý kiến người sở hữu trái phiếu TMSH2326001 bằng văn bản.
26.	42/NQ.HĐQT NK6-TMS	19/11/2024	Thông qua việc thực hiện lấy ý kiến người sở hữu trái phiếu TMSH2426001 bằng văn bản để thông qua việc thay đổi điều kiện, điều khoản trái phiếu TMSH2426001 của Transimex.
27.	43/NQ.HĐQT NK6-TMS	19/11/2024	Thông qua việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Transimex với người có liên quan của Transimex theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Transimex.
28.	44/NQ.HĐQT NK6-TMS	10/12/2024	1. Thông qua phương án đầu tư mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinafreight. 2. Thông qua việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch liên quan giữa Transimex với người có liên quan của Transimex theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều Lệ Transimex.

3. CÔNG TÁC CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2023

- (a) Thực hiện nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ.ĐHĐCĐ-TMS ngày 25/04/2024, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 27/NQ.HĐQT NK6-TMS ngày 4/7/2024 về việc thông qua việc triển khai phương án chi trả cổ tức năm 2023.
- (b) Quá trình chi trả cổ tức cho các cổ đông đã được triển khai kịp thời, đảm bảo đúng quy định.

4. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Các quyết định của ĐHĐCĐ	Kết quả thực hiện
Ủy quyền cho HĐQT đánh giá và lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính niên độ tài chính năm 2024.	Đã lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY). Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi EY đã được ban hành và công bố thông tin đúng quy định.
Thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024.	Đã thực hiện.
Thực hiện trích lập quỹ hoạt động của HĐQT, BKS năm 2024.	Đã thực hiện.
Thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2023.	Đã thực hiện.
Dừng triển khai phương án chào bán 200 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi Công ty Cổ phần Transimex 2020 ra công chúng.	Đã dừng triển khai.

Các quyết định của ĐHĐCĐ	Kết quả thực hiện
Điều chỉnh và thay thế phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi Công ty Cổ phần Transimex 2023 ra công chúng.	HĐQT đã ban hành nghị quyết triển khai chi tiết phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 vào quý 4/2024, ngay sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023. Tuy nhiên, do một số yếu tố nội tại (cấu trúc lại một số nguồn vốn để tiết giảm đáng kể chi phí tài chính, ảnh hưởng đến mục đích sử dụng vốn trái phiếu) cũng như các ảnh hưởng từ thay đổi chính sách (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội ban hành, một số điều có hiệu lực từ ngày 01/01/2025), việc xin cấp giấy chứng nhận chào bán từ cơ quan quản lý không thể hoàn thành ngay trong năm 2024 như kỳ vọng tích cực ban đầu.
Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.	Đã thực hiện.

5. KẾT QUẢ GIÁM SÁT VÀ HỖ TRỢ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH

- 5.1 Các Nghị quyết của HĐQT đều được HĐQT ủy nhiệm cho Ban Điều hành Công ty triển khai thực hiện và báo cáo HĐQT.
- 5.2 Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành được thực hiện thông qua việc HĐQT chất vấn Ban Điều hành về kết quả kinh doanh trong kỳ tại các phiên họp định kỳ, đồng thời, giám sát nhiều hoạt động khác.
- 5.3 Luôn giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024.
- 5.4 Tăng cường các hoạt động quản trị doanh nghiệp, các hoạt động kiểm soát nội bộ và kiểm soát rủi ro trong Công ty.
- 5.5 Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham dự các cuộc họp giao ban hàng tuần của Công ty, luôn giám sát và chỉ đạo kịp thời các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 5.6 HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm 2024 của Ban Điều hành như sau:

(i) Triển khai thực hiện các dự án xây dựng theo đúng quy trình, quy định, theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, tích cực thực hiện các dự án đầu tư của Công ty và đưa vào hoạt động có hiệu quả cao.

(ii) Công tác quản lý tài chính được thực hiện tốt, bảo đảm cân đối nguồn vốn phục vụ đầu tư phát triển kinh doanh.

(iii) Ban Điều hành đã điều hành Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện theo quy chế quản trị nội bộ, theo đúng điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

(iv) Thực hiện công bố thông tin nghiêm túc và đúng quy định.

(v) Tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các Cơ quan quản lý Nhà nước.

(vi) Công tác đào tạo được chú trọng, nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn của Cán bộ Nhân viên trong Công ty.

(vii) Thực hiện tốt việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ nhân viên Công ty.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

1. PHẦN ĐẦU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM TÀI CHÍNH 2025

ĐVT: Triệu Đồng

		% kế hoạch năm 2025 so với				
Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024
1.	Doanh thu hợp nhất	2.895.386	3.325.665	3.360.364	116,06%	101,04%
2.	Lợi nhuận trước thuế (LNTT) hợp nhất	418.887	238.153	249.247	59,50%	104,66%
3.	Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu	14,47%	7,16%	7,42%		
4.	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất		170.170	204.182		119,99%
5.	Khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, cán bộ quản lý Công ty mẹ, Ban điều hành các công ty con (5% của phần vượt kế hoạch, nếu vượt kế hoạch kinh doanh năm 2025).	-	-	-	-	-

2. THỰC HIỆN CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2024

Tổ chức thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông đúng thời hạn và đúng theo nội dung được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua.

3. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn tiềm ẩn nhiều rủi ro như xung đột địa chính trị kéo dài, chiến tranh thương mại, biến động thuế quan, HĐQT xác định năm 2025 là giai đoạn cần tăng cường tính linh hoạt, kiểm soát chặt chẽ và đẩy mạnh hiệu quả quản trị. Theo đó, HĐQT đề ra các định hướng hoạt động như sau:

- 3.1 Theo dõi sát sao tình hình kinh doanh, đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- 3.2 Tăng cường và hỗ trợ Ban Điều hành trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ và kiểm soát rủi ro trong Công ty.
- 3.3 Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp trong đó rà soát và cập nhật hệ thống quy chế nội bộ, đảm bảo phù hợp với pháp luật mới và thông lệ quốc tế. Nâng cao tính minh bạch trong công bố thông tin, quản lý giao dịch với bên liên quan.
- 3.4 Tăng cường công tác phát triển nguồn nhân lực nhất là công tác nhân sự cấp cao, trong đó xem xét tiến hành việc bổ nhiệm, đánh giá, quy hoạch nhân sự điều hành chủ chốt. Thúc đẩy đào tạo, phát triển đội ngũ kế thừa và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt.
- 3.5 Tăng cường triển khai áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị, số hóa công tác điều hành khai thác dịch vụ.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Tuấn Ngọc

BÁO CÁO CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

1. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP NĂM 2024

1.1 Đánh giá sơ bộ của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- HĐQT của Công ty nhiệm kỳ 2023 – 2028 gồm có 07 (bảy) thành viên, trong đó có 02 (hai) thành viên độc lập, đảm bảo đủ tỷ lệ về số lượng thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập theo luật định. Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp đều được HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, biên bản cuộc họp được lập đầy đủ, có chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự họp.
- Toàn bộ các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và tích cực vào các hoạt động hoạch định, kiểm soát tuân thủ, phân bổ chiến lược, đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty chuẩn mực.
- HĐQT Công ty đã làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đúng các quy định đối với công ty đại chúng. Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập kịp thời và thực hiện theo các trình tự quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- Nội dung các cuộc họp đều được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn thận để đưa ra những định hướng và giải pháp đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty.
- Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, mở rộng thị trường, đầu tư công nghệ và xây dựng hệ thống quản lý đều được HĐQT thường xuyên xem xét và đánh giá trong các cuộc họp định kỳ để có phương án ứng biến linh hoạt trong giai đoạn mới, thách thức và cơ hội mới trên thị trường trong bối cảnh chiến tranh thương mại, xung đột vũ trang ngày càng diễn biến phức tạp. HĐQT đã kịp thời định hướng chỉ đạo trong các chiến lược, giải pháp vừa củng cố, xây dựng nội lực, vừa tăng tốc bức phá phát triển kinh doanh và với sự sáng tạo, nỗ lực rất lớn từ đội ngũ quản lý và nhân viên Transimex cũng đã đạt được những kết quả kinh doanh đáng ghi nhận trong năm 2024.

1.2 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 14 (mười bốn) phiên họp bao gồm cả các cuộc họp tập trung và thông qua hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản, trong đó các thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ 14/14 phiên họp (đạt tỷ lệ 100% số cuộc họp). Các thành viên HĐQT độc lập đã xem xét, cho ý kiến và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền với tỷ lệ đồng ý là 100% đối với các nội dung trình HĐQT.
- Bên cạnh đó, trong năm 2024, các thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ giám sát hoạt động của HĐQT thông qua việc thực hiện trình tự, thủ tục tổ chức các phiên họp, lấy ý kiến bằng văn bản đối với HĐQT, các tài liệu trình họp, các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra Nghị quyết của HĐQT, đồng thời thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành ("BĐH") thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT. Các hoạt động cụ thể của các thành viên HĐQT độc lập như:
 - Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, BĐH.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm và quý, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.
- Rà soát, đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm cho Công ty thông qua giám sát việc sửa đổi và hoàn thiện các Quy chế, quy định nội bộ của Công ty và việc ban hành các văn bản điều hành hoạt động kinh doanh.
- Tham dự các sự kiện của các công ty con, công ty liên kết, qua đó cũng góp phần nắm bắt tình hình hoạt động chung của tập đoàn Transimex.

1.3 Về kết quả đánh giá công tác quản trị và giám sát Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

- Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc triển khai các kế hoạch, chủ trương, định hướng chiến lược do ĐHCĐ đề ra, sâu sát kiểm tra, giám sát, đôn đốc tiến độ thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT từ đó BĐH đã tổ chức thực hiện nhanh, kịp thời, hiệu quả.
- HĐQT đã tuân thủ các quy định về quản trị công ty, triệu tập các cuộc họp định kỳ và bất thường nhằm kịp thời chỉ đạo, ban hành các quyết định phù hợp với tình hình thực tế.
- HĐQT đã thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát BĐH thực hiện các nội dung đã được ĐHCĐ và HĐQT thông qua, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời hài hòa lợi ích của Công ty và các cổ đông.
- Các thành viên HĐQT nhận diện một cách chủ động vai trò, trách nhiệm hỗ trợ đối với BĐH và có sự chia sẻ kinh nghiệm, tương tác, trao đổi đối với BĐH về nghiệp vụ quản trị Công ty.
- HĐQT đã thực hiện giám sát, đánh giá và thông qua các giao dịch với các bên liên quan trọng yếu phát sinh trong năm 2024.

1.4 Về kết quả đánh giá sự phối hợp giữa thành viên Hội đồng quản trị độc lập với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý

- Thành viên HĐQT độc lập đã nhận được sự hợp tác của HĐQT và BĐH và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ công tác kiểm tra giám sát.
- HĐQT đã lập Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025. Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán đã được gửi tới thành viên HĐQT độc lập đầy đủ, kịp thời.

2. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

- 2.1 Tiếp tục thực hiện các chức năng giám sát theo quy định tại quy chế hoạt động của Công ty, tuân thủ tính độc lập, khách quan và trách nhiệm.
- 2.2 Thực hiện chức năng quản lý, giám sát công tác điều hành của BĐH, phối hợp chặt chẽ với BĐH tìm kiếm những giải pháp tháo gỡ khó khăn tồn tại trong năm 2024 và giải pháp quản lý hiệu quả trong hoạt động kinh doanh năm 2025.
- 2.3 Hỗ trợ HĐQT trong việc bảo đảm công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 2.4 Góp phần hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp phù hợp với tình hình hoạt động Công ty, quy định Pháp luật hiện hành.
- 2.5 Thực hiện các công việc khác theo quy định của Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.

Trân trọng./.

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Huỳnh An Trung

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Võ Hoàng Giang



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát các hoạt động của Công ty theo đúng quyền lợi và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, các hoạt động cụ thể như sau:

- Thực hiện công tác kiểm soát trực tiếp tại công ty và kiểm soát thông qua tài liệu, hồ sơ mà BKS yêu cầu gửi qua thư điện tử.
- Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh, tài chính và việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.
- Tham gia đầy đủ các buổi họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến với HĐQT, BĐH trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của BKS nhằm nắm bắt kịp thời, đầy đủ tình hình kinh doanh, tài chính và đầu tư của Công ty.
- Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024, thẩm tra Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT, kiểm tra việc tuân thủ của HĐQT, BĐH trong việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ.
- Kiểm tra các hoạt động đầu tư, sử dụng và quản lý vốn.

2. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

2.1 Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh tài chính năm 2024:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		% thực hiện 2024 so với	
			Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024
1	Doanh thu hợp nhất	2.389,82	2.895,38	3.325,67	139,16%	114,86%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (LNTT)	237,41	418,89	238,15	100,31%	56,85%
3	Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu	9,03%	14,47%	7,16%		

Doanh thu hợp nhất năm 2024 đạt 3.356 tỷ đồng, hoàn thành 140,43% kế hoạch năm 2024, và tăng 15,91% so với năm 2023.

2.2 Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024:

- Công ty đã tuân thủ đúng Luật kế toán, chế độ kế toán và các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong tổ chức hạch toán kế toán.
- HĐQT đã lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam để kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024.
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đưa ra báo cáo kiểm toán năm 2024 với ý kiến chấp nhận toàn phần.
- Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán.

2.3 Tình hình đầu tư dự án, đầu tư vào các công ty liên kết:

- Dự án trọng điểm là Kho lạnh Long An với tổng mức đầu tư là 1.000 tỷ đồng đã hoàn thành đưa vào vận hành trong năm 2024.
- Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 20 công ty con vào ngày 31/12/2024.
- Trong năm 2024, Công ty đã hoàn tất giao dịch hợp nhất kinh doanh với Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (mã chứng khoán TJC) tăng tỷ lệ biểu quyết từ 49,51% lên 54,05%, và tăng tỷ lệ biểu quyết tại Công ty Cổ phần Cảng Mipec từ 47,99 lên 53,32%.
- Hoàn thành việc nhận chuyển nhượng Công ty Cổ phần Chuỗi cung ứng AP với tỷ lệ sở hữu 99,98%.
- Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại các công ty con theo đúng các Nghị quyết của HĐQT.
- Tổng đầu tư tại các công ty liên doanh, liên kết vào ngày 31/12/2024 là 1.787 tỷ đồng tăng 67 tỷ đồng so với đầu năm.

2.4 Tình hình công nợ phải thu:

Công ty đã tổ chức tốt việc theo dõi và có nhiều biện pháp thích hợp để tăng nhanh vòng quay vốn, giảm nợ phải thu, tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2024 là 314,21 tỷ đồng giảm 61,8 tỷ đồng so với đầu năm 2024.

3. KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

3.1 Giám sát hoạt động HĐQT:

- HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và đã chỉ đạo BĐH tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024 và các Nghị quyết của HĐQT.
- Trình tự, thủ tục các phiên họp, việc thông qua các nghị quyết của HĐQT phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành có nội dung phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- HĐQT và BĐH đã cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cho BKS về tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư...trong năm 2024.
- HĐQT giám sát hoạt động của BĐH thông qua báo cáo kết quả kinh doanh, biến động về nhân sự, đầu tư ...hàng tuần, định kỳ. HĐQT đã phối hợp tốt cùng BĐH chỉ đạo toàn diện và kịp thời mọi hoạt động của công ty.

- Ban kiểm soát nhận thấy: HĐQT đã hoạt động theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại các văn bản pháp luật và Điều lệ Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định trong quản trị, điều hành của HĐQT phù hợp với thực tế và yêu cầu phát triển công ty mà ĐHĐCĐ đặt ra, đảm bảo các quyền lợi và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cổ đông. HĐQT đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quản trị công ty.

3.2 Giám sát hoạt động của BĐH:

- BĐH đã triển khai và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và các nghị quyết của HĐQT.
- BĐH thường xuyên họp và chỉ đạo các phòng, ban, bộ phận trong Công ty để kịp thời nắm bắt và xử lý các vấn đề phát sinh nhằm mang lại hiệu quả cao nhất trong hoạt động kinh doanh.
- Ban điều hành đã báo cáo đầy đủ, kịp thời và trung thực kết quả hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư cho HĐQT và xin ý kiến của HĐQT.
- Ban kiểm soát nhận thấy: Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực và luôn luôn tuân thủ và chấp hành các nghị quyết, quyết định và quy chế quản trị nội bộ.

4. SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

- HĐQT, BĐH và các phòng, ban, bộ phận chuyên môn trong Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình.
- BKS đã cùng các bộ phận: kế toán, kiểm soát nội bộ kiểm tra, rà soát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh tài chính, đầu tư, các qui chế nội bộ.
- Công ty đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và minh bạch theo đúng quy định với công ty niêm yết.
- Trong năm 2024, không có đơn thư yêu cầu hay khiếu nại nào của cổ đông/ nhóm cổ đông gửi đến BKS.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Các hoạt động của Công ty trong năm 2024 đã tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ và các nghị quyết của HĐQT. Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho doanh nghiệp niêm yết.
- **Một số kiến nghị:** Với quy mô Công ty ngày càng lớn, phát huy kết quả năm 2024 và phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 2025, BKS có một số đề nghị sau:
 - Tiếp tục kết hợp tốt giữa công ty mẹ với các công ty con, công ty liên kết, các đơn vị trực thuộc, các phòng ban để có thể sử dụng hiệu quả nguồn vốn, nhân lực, lợi thế sẵn có của Công ty.
 - Tăng cường công tác theo dõi, quản lý công nợ tránh để khách hàng chiếm dụng vốn và mất vốn, quy định chặt chẽ về trách nhiệm cá nhân và tập thể nếu để phát sinh rủi ro về nợ xấu.
 - Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị và điều hành, phát triển kinh tế số trong toàn Công ty.

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách lương, thưởng, phúc lợi trong toàn Công ty cho phù hợp với tình hình mới nhằm đảm bảo công bằng, hợp lý giữa công ty mẹ và các công ty thành viên.
- Quảng cáo, tiếp cận các khách hàng tiềm năng thông qua nhiều kênh như tổ chức sự kiện, đầu tư website công ty, quảng cáo qua các kênh mạng xã hội...

Trân trọng./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT


Vũ Chinh



QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: VND				
Stt	Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
1	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	3.699.078.653	3.088.746.702
2	Ông Lê Duy Hiệp	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	2.737.748.049	2.354.169.831
3	Ông Charvanin Bunditkitsada	Thành viên HĐQT	385.000.000	257.500.000
4	Ông Toshiyuki Matsuda	Thành viên HĐQT	385.000.000	257.500.000
5	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	342.222.226	228.888.888
6	Ông Võ Hoàng Giang	Thành viên HĐQT độc lập (từ tháng 5 năm 2023)	342.222.226	177.777.776
7	Ông Huỳnh An Trung	Thành viên HĐQT độc lập (từ tháng 5 năm 2023)	342.222.226	177.777.776
8	Ông Vũ Chinh	Thành viên HĐQT độc lập (đến tháng 5 năm 2023)	-	273.333.334
9	Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên HĐQT (đến tháng 5 năm 2023)	-	273.333.334
10	Ông Vũ Chinh	Trưởng Ban Kiểm soát	310.000.003	133.333.336
11	Bà Lê Thị Ngọc Anh	Trưởng Ban Kiểm soát (đến tháng 5 năm 2024)	75.555.556	228.888.888
12	Bà Lê Thị Tường Vy	Thành viên Ban Kiểm soát (từ tháng 5 năm 2023)	256.666.667	133.333.336
13	Bà Nguyễn Kim Hậu	Thành viên Ban Kiểm soát (từ tháng 4 năm 2024)	160.000.000	65.555.556
14	Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên Ban Kiểm soát (đến tháng 5 năm 2023)	-	65.555.556
15	Ông Nguyễn Hoàng Hải	Phó Tổng Giám đốc	1.378.709.207	1.922.395.822
16	Ông Lê Phúc Tùng	Phó Tổng Giám đốc	1.089.944.680	1.182.523.419
17	Ông Tôn Thất Hưng	Phó Tổng Giám đốc (đến tháng 10 năm 2024)	840.979.354	1.138.633.322
18	Ông Nguyễn Bảo Trung	Phó Tổng Giám đốc (đến tháng 2 năm 2023)	-	234.847.187
19	Ông Nguyễn Chí Đức	Phó Tổng Giám đốc	-	25.091.312
20	Ông Lê Văn Hùng	Giám đốc Tài chính	889.848.586	825.363.218
21	Ông Phạm Xuân Quang	Kế toán trưởng (từ tháng 3 năm 2024)	510.676.000	-
22	Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Kế toán trưởng (đến tháng 3 năm 2024)	219.778.971	721.671.672
TỔNG CỘNG			13.965.652.404	13.766.220.265

2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1.	Bùi Tuấn Ngọc	CT HĐQT	926.516	0,59%	991.372	0,59%	Thưởng, Cổ tức
2.	Lê Duy Hiệp	Phó CT HĐQT, TGD	692.406	0,44%	740.874	0,44%	Thưởng, Cổ tức
3.	Bùi Minh Tuấn	TV. HĐQT	22.937.482	14,49%	24.543.105	14,49%	Thưởng, Cổ tức
4.	Charvanin Bunditkitsada	TV. HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
5.	Toshiyuki Matsuda	TV. HĐQT	36.952	0,02%	39.538	0,02%	Cổ tức
6.	Võ Hoàng Giang	TV. HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
7.	Huỳnh An Trung	TV. HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
8.	Lê Thị Ngọc Anh	Trưởng BKS	2.248	0,00%	-	0,00%	Bán
9.	Vũ Chinh	TV BKS	737.942	0,47%	788.527	0,47%	Cổ tức
10.	Lê Thị Tường Vy	TV BKS	-	0,00%	-	0,00%	
11.	Nguyễn Kim Hậu	TV BKS	42	0,00%	44	0,00%	Đến tháng 4/2024
12.	Nguyễn Chí Đức	Phó TGD	761.307	0,46%	814.598	0,48%	Thưởng, Cổ tức
13.	Lê Phúc Tùng	Phó TGD	83.956	0,05%	82.449	0,05%	Thưởng, Cổ tức
14.	Tôn Thất Hưng	Phó TGD	69.270	0,04%	70.902	0,04%	Đến tháng 10/2024
15.	Nguyễn Hoàng Hải	Phó TGD	-	0,00%	-	0,00%	
16.	Lê Văn Hùng	Giám đốc tài chính	10.695	0,01%	11.443	0,01%	Thưởng, Cổ tức
17.	Phạm Xuân Quang	Kế toán trưởng	-	0,00%	7	0,00%	Bổ nhiệm từ tháng 3/2024
18.	Nguyễn Hồng Kim Chi	Kế toán trưởng	16.499	0,01%	17.653	0,01%	
19.	Nguyễn Thị Thái Nhi	Chánh VP. HĐQT, Thư ký Công ty, Phụ trách quản trị Công ty, Người được ủy quyền CBTT	1.644	0,00%	1.759		Thưởng, Cổ tức
20.	Huỳnh Văn Toàn	Phó Chánh VP. HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	

3. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	Mua cổ phiếu	152.382.017.500	-
	Chia cổ tức	5.977.454.500	-
	Cung cấp dịch vụ	1.295.080.061	746.158.241
	Sử dụng dịch vụ	464.870.348	128.893.649
Công ty TNHH Nippon Express (Việt Nam)	Lợi nhuận được chia	25.500.000.000	117.000.000.000
	Cung cấp dịch vụ	7.470.422.309	7.930.974.136
	Chi hộ	13.590.000	392.191.500
	Sử dụng dịch vụ	-	11.660.971
Công ty Cổ phần Vinaprint	Sử dụng dịch vụ	25.127.079.488	24.730.676.207
	Cung cấp dịch vụ	2.279.386.134	3.571.953.320
	Chia cổ tức	328.164.000	-
	Phải thu tiền cọc	-	319.650.000
Ryobi Holdings Co.Ltd. ("Ryobi")	Trả nợ vay	23.529.800.000	42.184.815.100
	Chi phí lãi vay	1.714.458.880	1.907.140.768
Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	Mua hàng hóa	23.156.509.090	18.517.381.817
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ lớn	Thu nhập cổ tức	17.770.970.000	7.822.140.000
	Nhận vốn góp	-	1.822.040.000
	Chia cổ tức	-	601.273.800
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Ryobi Việt Nam	Chia cổ tức	16.587.773.000	-
	Cung cấp dịch vụ	1.397.749.168	1.399.311.445
	Phí môi giới	62.000.000	-
	Phí bồi thường	180.000.000	-
Công ty Cổ phần Prosper Logistics	Chia cổ tức	13.696.350.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Cung cấp dịch vụ	13.264.490.284	8.680.626.303
Ông Bùi Minh Tuấn	Chia cổ tức	11.468.741.000	-
Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản	Cung cấp dịch vụ	10.150.755.042	3.619.180.528
	Thu nhập cổ tức	1.124.800.000	-
	Thanh lý TSCĐ	146.296.298	-
	Mua hàng	648.148	-
Công ty TNHH Vận Tải Container Hải An	Cung cấp dịch vụ	9.040.351.094	2.983.891.101
	Mua dịch vụ	1.988.808.677	4.065.391.000
	Thu nhập cổ tức	-	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Hàng hải MACS	Sử dụng dịch vụ	8.900.504.092	5.125.835.916
	Cung cấp dịch vụ	854.471.932	86.400.222
	Chia cổ tức	174.805.500	-
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Văn Hóa Việt	Chia cổ tức	7.982.992.000	-

Đơn vị tính: VND			
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu Tư New Asia	Chia cổ tức	5.791.351.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Vina	Chia cổ tức	5.686.356.000	-
	Mua cổ phần	-	104.987.520.000
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	Cung cấp dịch vụ	5.543.230.640	-
	Sử dụng dịch vụ	1.542.053.871	-
	Thu nhập cổ tức	1.065.038.889	-
JWD Asia Holding Private Limited	Chia cổ tức	4.947.820.000	-
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Mua cổ phiếu	1.970.745.000	-
	Cung cấp dịch vụ	630.503.208	364.062.363
	Thu nhập cổ tức	210.629.500	496.144.500
	Sử dụng dịch vụ	217.513.240	415.523.235
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Sử dụng dịch vụ	1.963.471.600	-
	Mua hàng hóa	441.700.000	-
CTCP Chuỗi Cung Ứng AP	Lãi cho vay	1.214.663.014	1.458.671.233
	Cho vay	-	45.200.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	Chia cổ tức	694.575.000	1.295.848.800
	Cung cấp dịch vụ	374.880.229	285.572.570
	Sử dụng dịch vụ	362.691.346	2.000.285.135
	Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	-	25.200.200.000
	Nhận vốn góp	-	1.822.040.000
	Lãi trái phiếu thu được	-	992.848.893
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chia cổ tức	463.258.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành	Sử dụng dịch vụ	448.658.750	-
	Cung cấp dịch vụ	399.137.750	-
Ông Nguyễn Chí Đức	Chia cổ tức	380.653.500	-
Ông Vũ Chinh	Chia cổ tức	368.471.000	-
Ông Lê Duy Hiệp	Chia cổ tức	346.203.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Phú Nhuận	Sử dụng dịch vụ	411.239.191	380.928.704
Công ty Cổ phần Merufa	Cung cấp dịch vụ	194.709.754	-
Ông Lê Phúc Tùng	Chia cổ tức	41.978.000	-
Ông Tôn Thất Hưng	Chia cổ tức	33.132.000	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Haneco	Cung cấp dịch vụ	14.162.963	-



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo kiểm toán độc lập	66
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	68
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	71
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	72
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	74



Số tham chiếu: 12628598/67734493/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Transimex

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Transimex ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 66 đến trang 130, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Phạm Xuân Tuân
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4639-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND				
Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.025.328.189.001	1.816.920.221.683
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	485.654.685.668	447.183.890.000
111	1. Tiền		419.654.685.668	369.176.081.781
112	2. Các khoản tương đương tiền		66.000.000.000	78.007.808.219
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		716.327.686.507	536.883.070.348
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	228.906.429.031	212.831.881.385
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6.1	(6.664.500)	(1.526.122.439)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	487.427.921.976	325.577.311.402
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		632.570.842.138	664.613.582.651
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	314.215.336.292	375.893.277.904
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	14.907.961.336	41.571.641.502
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn khác	32	-	45.200.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	322.447.832.150	214.064.897.013
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 8, 9	(19.000.287.640)	(12.116.233.768)
140	IV. Hàng tồn kho	10	15.497.158.482	13.011.984.414
141	1. Hàng tồn kho		15.497.158.482	13.011.984.414
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		175.277.816.206	155.227.694.270
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	23.092.812.833	18.656.073.032
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	146.560.641.546	132.248.823.307
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	5.624.361.827	4.322.797.931

VND				
Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 33)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.371.843.424.770	6.182.161.080.790
210	I. Phải thu dài hạn		25.080.075.393	21.804.878.209
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	25.080.075.393	21.804.878.209
220	II. Tài sản cố định		3.441.733.414.116	3.592.126.456.000
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	3.358.269.760.366	3.510.582.505.493
222	Nguyên giá		4.485.199.397.392	4.481.208.191.651
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.126.929.637.026)	(970.625.686.158)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	83.463.653.750	81.543.950.507
228	Nguyên giá		95.752.393.000	92.381.973.170
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.288.739.250)	(10.838.022.663)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	67.832.488.724	40.868.817.636
231	1. Nguyên giá		121.306.135.022	90.106.164.459
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(53.473.646.298)	(49.237.346.823)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		388.098.766.355	359.638.076.451
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	388.098.766.355	359.638.076.451
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	16	1.803.531.474.083	1.734.712.170.501
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết		1.787.473.522.596	1.720.171.684.014
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		14.057.951.487	11.540.486.487
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	3.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		645.567.206.099	433.010.681.993
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	445.942.099.962	227.462.556.733
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	37.783.214.599	21.841.172.345
269	3. Lợi thế thương mại	17	161.841.891.538	183.706.952.915
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.397.171.613.771	7.999.081.302.473

VND

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 33)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.237.320.968.761	2.889.004.088.063
310	I. Nợ ngắn hạn		1.382.555.725.063	948.724.617.936
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	225.507.971.879	201.770.995.004
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.254.924.432	6.798.238.056
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	80.676.907.900	66.367.479.222
314	4. Phải trả người lao động		22.564.330.890	16.702.534.491
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	46.951.568.386	25.290.614.863
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		3.686.349.539	2.677.509.778
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	213.606.408.578	162.359.972.989
320	8. Vay ngắn hạn	22	757.634.272.592	420.596.804.664
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	26.672.990.867	46.160.468.869
330	II. Nợ dài hạn		1.854.765.243.698	1.940.279.470.127
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	19.369.342.198	17.639.907.095
338	2. Vay dài hạn	22	1.692.048.762.750	1.778.225.777.886
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.3	143.347.138.750	144.413.785.146
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.159.850.645.010	5.110.077.214.410
410	I. Vốn chủ sở hữu		5.159.850.645.010	5.110.077.214.410
411	1. Vốn cổ phần	24.1	1.693.479.540.000	1.582.705.280.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.693.479.540.000	1.582.705.280.000
411a				
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	557.922.786.123	557.922.786.123
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	24.1	58.798.018.556	51.909.459.556
415	4. Cổ phiếu quỹ	24.1	(189.990.900)	(189.990.900)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	24.1	158.721.919.506	158.721.919.506
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	1.551.379.414.582	1.557.286.378.577
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.348.801.101.097	1.397.242.125.755
421a				
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		202.578.313.485	160.044.252.822
421b				
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	24.4	1.139.738.957.143	1.201.721.381.548
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.397.171.613.771	7.999.081.302.473

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Trần Linh Lan
Người lập

Phạm Xuân Quang
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch HĐQT

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 33)
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	3.356.093.696.306	2.403.225.044.262
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(30.429.012.338)	(13.406.743.467)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.325.664.683.968	2.389.818.300.795
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(2.804.258.120.850)	(1.979.159.191.392)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		521.406.563.118	410.659.109.403
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	70.773.599.904	72.500.536.531
22	7. Chi phí tài chính	27	(172.685.397.157)	(91.887.900.636)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(147.753.601.390)	(78.147.822.175)
24	8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	16.1	128.658.928.726	40.382.387.129
25	9. Chi phí bán hàng	28	(56.281.408.075)	(33.607.873.201)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(224.337.676.111)	(187.277.133.658)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		267.534.610.405	210.769.125.568
31	12. Thu nhập khác	29	135.157.463.396	33.802.101.552
32	13. Chi phí khác	29	(164.538.621.714)	(7.162.056.606)
40	14. (Lỗ) lợi nhuận khác	29	(29.381.158.318)	26.640.044.946
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		238.153.452.087	237.409.170.514
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(84.992.306.629)	(63.876.165.778)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	17.008.688.650	22.600.816.586
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		170.169.834.108	196.133.821.322
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		202.578.313.485	160.044.252.822
62	20. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(32.408.479.377)	36.089.568.500
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	24.5	1.196	945
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	24.5	1.196	945

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Trần Linh Lan
Người lập

Phạm Xuân Quang
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch HĐQT

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND				
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 33)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		238.153.452.087	237.409.170.514
Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 13, 14 và 17	274.366.328.576	144.918.366.315
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		5.364.595.933	(1.805.918.631)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.627.263.945)	(2.298.320.918)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(7.803.562.970)	(112.163.816.514)
06	Chi phí đi vay và chi phí phát hành trái phiếu	27	151.930.621.588	81.068.276.720
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		658.384.171.269	347.127.757.486
09	Tăng các khoản phải thu		(21.743.349.709)	(15.374.427.079)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(2.485.174.068)	8.553.968.961
11	Giảm các khoản phải trả		(30.809.105.037)	(372.776.378.166)
12	Tăng chi phí trả trước		(31.254.179.157)	(712.462.318)
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh		(16.074.547.646)	2.560.038.561
14	Tiền lãi vay đã trả		(150.277.509.057)	(76.662.098.292)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(70.116.675.618)	(101.268.784.624)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	23	(22.735.896.173)	(24.998.056.113)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		312.887.734.804	(233.550.441.584)

VND				
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(270.467.234.407)	(422.562.450.840)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		84.317.090.178	12.572.957.228
23	Tiền chi cho vay, tiền gửi kỳ hạn		(733.573.998.965)	(667.809.659.347)
24	Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi kỳ hạn		572.723.388.391	685.164.347.945
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(162.664.459.128)	(198.304.449.278)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.595.587.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức nhận được		76.744.227.639	173.114.201.979
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(421.325.399.292)	(417.825.052.313)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Nhận vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	24.4	-	26.149.552.100
33	Tiền thu từ đi vay	22	1.245.763.157.535	1.105.098.706.015
34	Tiền trả nợ gốc vay	22	(994.881.024.941)	(571.060.169.816)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	22	-	(923.351.984)
36	Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông công ty mẹ	24.2	(78.869.350.275)	-
	Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	24.4	(24.732.886.108)	(16.407.097.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		147.279.896.211	542.857.638.515
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		38.842.231.723	(108.517.855.382)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		447.183.890.000	556.774.624.464
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(371.436.055)	(1.072.879.082)
61				
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	485.654.685.668	447.183.890.000

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Trần Linh Lan
Người lập



Phạm Xuân Quang
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch HĐQT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Transimex ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0301874259 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 12 năm 1999, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã TMS từ ngày 4 tháng 8 năm 2000.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ kho ngoại quan, kho CFS, kho ICD; kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa, làm thủ tục hải quan; đại lý tàu biển và môi giới hàng hải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.265 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.435 người).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cơ cấu tổ chức của Tập đoàn bao gồm 20 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 20 công ty con) với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Địa điểm	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu		Tỷ lệ biểu quyết	
			Số cuối năm (%)	Số đầu năm (%)	Số cuối năm (%)	Số đầu năm (%)
1. Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("TOT")	TP. Hồ Chí Minh ("TP. HCM")	Dịch vụ vận tải	82,29	75,48	82,29	75,48
2. Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex ("BDS")	TP. HCM	Dịch vụ cho thuê văn phòng	100	100	100	100
3. Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex ("DC")	Tỉnh Bình Dương	Dịch vụ vận tải, bốc xếp; lưu trữ hàng hóa	100	100	100	100
4. Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics ("SHTP")	TP. HCM	Dịch vụ vận tải, kho bãi	99,44	99,44	99,44	99,44

Tên công ty con	Địa điểm	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu		Tỷ lệ biểu quyết	
			Số cuối năm (%)	Số đầu năm (%)	Số cuối năm (%)	Số đầu năm (%)
5. Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long ("TLL")	Tỉnh Hưng Yên	Dịch vụ logistics	61,85	61,57	71,39	71,43
6. Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc ("VLL")	TP. HCM	Dịch vụ logistics	56,19	55,91	64,50	64,50
7. Công ty Cổ phần Vinafreight ("VNF") (**)	TP. HCM	Giao nhận vận tải quốc tế	58,47	57,05	58,47	57,05
8. Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế	TP. HCM	Dịch vụ vận tải hàng hóa	52,63	51,34	90,00	90,00
9. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt ("Vietway") (*)	TP. HCM	Dịch vụ vận tải hàng hóa; đại lý bán vé máy bay	26,84	26,18	94,90	94,90
10. Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	TP. HCM	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	58,47	57,05	100	100
11. Công ty TNHH Logistics Xuê Hằng Việt Nam	TP. HCM	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	29,83	29,01	51,00	51,00
12. Công ty TNHH MTV Đầu tư Long An ("LAI")	Tỉnh Long An	Dịch vụ kho bãi	99,45	99,44	99,45	99,44
13. Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("VMT")	TP. Đà Nẵng	Giao nhận vận tải quốc tế	38,80	38,40	50,38	50,38
14. Công ty Cổ phần Transimex Hi-Tech Logistics ("SHTL")	TP. HCM	Dịch vụ kho bãi	99,45	99,44	99,45	99,44
15. Công ty Cổ phần Transimex Shipping ("TSP")	TP. Hải Phòng	Dịch vụ logistics	99,93	99,93	99,93	99,93
16. Công ty Cổ phần Cảng Transimex ("TMS Port")	TP. HCM	Dịch vụ cảng	99,99	99,99	99,99	99,99
17. Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Hưng Yên ("HYL") (*)	Tỉnh Hưng Yên	Dịch vụ logistics	-	99,00	-	99,00
18. Công ty Cổ phần Logistics Long An ("LAL")	Tỉnh Long An	Dịch vụ logistics	99,98	99,97	99,98	99,97
19. Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại ("TJC") (**) (Thuyết minh số 4.1)	TP. Hải Phòng	Dịch vụ vận tải và kho bãi	57,46	54,04	57,46	54,04
20. Công ty Cổ phần Cảng MIPEC ("MIPEC") (Thuyết minh số 4.2)	TP. Hải Phòng	Dịch vụ cảng	44,16	44,16	53,32	53,32

Tên công ty con	Địa điểm	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu		Tỷ lệ biểu quyết	
			Số cuối năm (%)	Số đầu năm (%)	Số cuối năm (%)	Số đầu năm (%)
21. Công ty Cổ phần Chuỗi Cung Ứng AP ("APS") (Thuyết minh số 4.3)	Tỉnh Bình Dương	Dịch vụ logistics	99,98	-	99,98	-
(*) Trong năm, Tập đoàn đã hoàn tất thủ tục giải thể HYL và đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể Vietway.						
(**) Tập đoàn đã sử dụng một phần cổ phiếu VNF, TJC để làm tài sản đảm bảo cho khoản trái phiếu (Thuyết minh số 22)						
Ngoài ra, vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có 1 công ty liên doanh và 5 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 16.1.						

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
 - Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
 - Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
 - Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
 - Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).
- Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|-------------------------------------|---|
| Công cụ, dụng cụ, và nhiên liệu | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - chi phí dịch vụ mua ngoài và lao động trực tiếp cộng chi phí chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Tập đoàn mua.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	2 – 50 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 – 20 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 15 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 – 15 năm
Phẩm mềm máy tính	3 – 10 năm

Tập đoàn không phân bổ giá trị quyền sử dụng đất khi quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng lâu dài.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc 20 – 30 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn và được sử dụng trên một năm;
- Tiền thuê đất trả trước;
- Chi phí bảo hiểm; và
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của các hợp đồng thuê.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.13 Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

3.14 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Tập đoàn sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức và lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên doanh, Tập đoàn sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được căn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.17 Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

3.18 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi hay lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng
Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ
Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi
Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền cho thuê
Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức và lợi nhuận được chia
Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành
Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại
Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.24 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Tập đoàn là vận tải quốc tế và nội địa, giao nhận hàng, kinh doanh cho thuê kho bãi và văn phòng. Trong đó, hoạt động cho thuê văn phòng chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là ngành nghề vận tải và kho vận, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Hoàn tất việc kế toán ban đầu cho giao dịch hợp nhất kinh doanh đối với Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (“TJC”)

Vào ngày 3 tháng 11 năm 2023, Tập đoàn hoàn tất nhận chuyển nhượng thêm 389.580 cổ phiếu TJC, tương đương với 4,53% sở hữu trong TJC. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn trong TJC tăng từ 49,51% lên 54,05% và TJC trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này. Tập đoàn đã áp dụng kế toán ban đầu cho giao dịch hợp nhất kinh doanh đối với TJC trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Trong năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất việc kế toán ban đầu cho giao dịch hợp nhất kinh doanh đối với TJC với những thay đổi so với giá trị hợp lý được xác định tạm thời trước đây, được điều chỉnh hồi tố như sau:

VND			
	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua	Điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý sau điều chỉnh
Tài sản	206.810.291.141	53.394.155.548	260.204.446.689
Tiền	10.533.339.796	-	10.533.339.796
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	60.600.000.000	-	60.600.000.000
Các khoản phải thu	11.085.778.020	-	11.085.778.020
Hàng tồn kho	5.982.694.581	-	5.982.694.581
Các tài sản ngắn hạn khác	10.818.799.614	-	10.818.799.614
Tài sản cố định hữu hình	72.100.827.742	(741.615.019)	71.359.212.723
Tài sản cố định vô hình	7.257.809.433	54.135.770.567	61.393.580.000

VND

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua	Điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý sau điều chỉnh
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	27.732.583.089	-	27.732.583.089
Các tài sản dài hạn khác	698.458.866		698.458.866
Nợ phải trả	24.518.986.841	10.678.831.110	35.197.817.951
Phải trả người bán	7.509.926.021	-	7.509.926.021
Phải trả khác	5.844.931.450	-	5.844.931.450
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	11.164.129.370	10.678.831.110	21.842.960.480
Tổng tài sản thuần	182.291.304.300	42.715.324.438	225.006.628.738
Cổ đông không kiểm soát	83.781.083.456	19.631.963.113	103.413.046.569
Lãi do giao dịch mua rẻ (Thuyết minh số 29)	5.085.546.509	23.083.361.325	28.168.907.834

4.2 Hoàn tất việc kế toán ban đầu cho giao dịch hợp nhất kinh doanh đối với Công ty Cổ phần Cảng Mipec (“MIPEC”)

Vào ngày 26 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn hoàn tất nhận chuyển nhượng thêm 5.965.200 cổ phiếu MIPEC, tương đương với 5,33% sở hữu trong MIPEC. Theo đó đó, tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn trong MIPEC tăng từ 47,99% lên 53,32% và MIPEC trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này. Tập đoàn đã áp dụng kế toán ban đầu cho giao dịch hợp nhất kinh doanh đối với MIPEC trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Trong năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất việc kế toán ban đầu cho giao dịch hợp nhất kinh doanh đối với MIPEC với những thay đổi so với giá trị hợp lý được xác định tạm thời trước đây, được điều chỉnh hồi tố như sau:

VND			
	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua	Điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý sau điều chỉnh
Tài sản	1.504.813.619.112	668.674.770.179	2.173.488.389.291
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.955.316.696	-	28.955.316.696
Các khoản phải thu	22.302.134.624	-	22.302.134.624
Hàng tồn kho	188.753.700	-	188.753.700
Các tài sản ngắn hạn khác	22.731.806.362	-	22.731.806.362
Tài sản cố định hữu hình	1.319.020.840.103	668.674.770.179	1.987.695.610.282
Tài sản cố định vô hình	2.153.686.039	-	2.153.686.039
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	18.835.486.395	-	18.835.486.395
Các tài sản dài hạn khác	90.625.595.193	-	90.625.595.193
Nợ phải trả	854.773.141.463	133.734.954.036	988.508.095.499

VND

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua	Điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý sau điều chỉnh
Vay	841.999.995.546	-	841.999.995.546
Phải trả người bán	9.495.634.051	-	9.495.634.051
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	133.734.954.036	133.734.954.036
Phải trả khác	3.277.511.866	-	3.277.511.866
Tổng tài sản thuần	650.040.477.649	534.939.816.143	1.184.980.293.792
Cổ đông không kiểm soát	362.982.602.719	298.710.393.334	661.692.996.053
Lợi thế thương mại (Thuyết minh số 17)	391.854.222.734	(236.229.422.809)	155.624.799.925

4.3 Nhận chuyển nhượng Công ty Cổ phần Chuỗi cung ứng AP ("APS")

Vào ngày 5 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn hoàn tất nhận chuyển nhượng 4.449.110 cổ phiếu APS, tương đương với 99,98% sở hữu trong APS, từ Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải với tổng số tiền là 152.382.017.500 VND. Theo đó, APS trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này. Nghiệp vụ nhận chuyển nhượng này đã được phê duyệt bởi HĐQT thông qua Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 19/NQ.HĐQT NK6-TMS ngày 4 tháng 3 năm 2024, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 20/NQ.HĐQT NK6-TMS ngày 4 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 24/NQ.HĐQT NK6-TMS ngày 23 tháng 5 năm 2024.

Tại ngày mua, APS sở hữu hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất tại Số 5-DV11 VSIP II-A, Đường số 10 Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị tài sản thuần của APS từ giao dịch này là 107.993.195.426 VND được ghi nhận tăng vào giá trị tiền thuê đất trả trước trên báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh số 11).

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua cổ phần của APS là việc mua nhóm các tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh. Giá trị mua của các giao dịch này được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả đó tại ngày mua. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các tài sản và nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản và nợ phải trả tương tự của Tập đoàn.

4.4 Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong TOT

Trong năm, TOT đã phát hành 2.326.309 cổ phiếu cho Công ty để hoán đổi nợ với tổng giá trị là 30.242.017.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 04/2023/NQ.ĐHĐCĐ-TMS LOG ngày 25 tháng 3 năm 2023 của TOT và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 65/2023/NQ.HĐQT NK5-TMS ngày 6 tháng 3 năm 2023 của TMS. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong TOT tăng từ 75,48% lên 82,29%. Chênh lệch giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của TOT trước và sau nghiệp vụ này với số tiền là 8.011.218.902 VND được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.5 Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong TJC

Trong năm, Tập đoàn đã nhận chuyển nhượng 293.600 cổ phiếu TJC, tương ứng 3,41% vốn chủ sở hữu của TJC với tổng giá trị là 5.516.541.030 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tăng từ 54,04%

lên 57,46%. Chênh lệch giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của TJC trước và sau nghiệp vụ này với số tiền là 2.626.991.395 VND được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.6 Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong VNF

Trong năm, Tập đoàn đã nhận chuyển nhượng 449.999 cổ phiếu VNF, tương ứng 1,42% vốn chủ sở hữu của VNF với tổng giá trị là 7.927.920.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tăng từ 57,05% lên 58,47%. Chênh lệch giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của VNF trước và sau nghiệp vụ này với số tiền là 609.170.131 VND được ghi nhận tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.423.908.359	5.313.714.630
Tiền gửi ngân hàng	415.230.777.309	363.831.417.151
Các khoản tương đương tiền (*)	66.000.000.000	78.007.808.219
Tiền đang chuyển	-	30.950.000
TỔNG CỘNG	485.654.685.668	447.183.890.000

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi áp dụng theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai ("PDN") (*)	155.905.414.323	361.880.400.000	-	146.278.219.460	222.928.520.000	-
Công ty Cổ phần Vinafco ("VFC")	28.669.675.002	60.203.500.000	-	19.239.954.702	36.949.380.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng ("CDN")	28.143.558.256	33.316.600.000	-	25.645.696.398	24.536.775.715	(1.108.920.683)
Công ty Cổ phần Searefico ("SRF")	6.241.605.329	6.962.167.250	-	3.964.752.644	3.558.215.388	(406.537.256)
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink ("VNL")	9.903.111.621	9.921.388.000	-	247.699.994	315.000.000	-
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hiệp Phước ("HPI")	43.064.500	36.400.000	(6.664.500)	43.064.500	32.400.000	(10.664.500)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài ("NCT")	-	-	-	17.412.493.687	17.762.598.000	-
TỔNG CỘNG	228.906.429.031	472.320.455.250	(6.664.500)	212.831.881.385	306.082.889.103	(1.526.122.439)

(*) Tập đoàn đã sử dụng một phần cổ phiếu PDN để làm tài sản đảm bảo cho khoản trái phiếu (Thuyết minh số 22).

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ ba (3) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi áp dụng theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên khác	307.968.086.005	372.449.301.087
- Công ty TNHH Kinh đô Miền Bắc	21.741.922.014	17.632.643.430
- Công ty TNHH Logistics Shibusawa	14.054.189.537	16.750.647.380
- IMA International Shipping S.A.	-	57.117.134.404
- Các khách hàng khác	272.171.974.454	280.948.875.873
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 32)	6.247.250.287	3.443.976.817
TỔNG CỘNG	314.215.336.292	375.893.277.904
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng	(11.858.975.217)	(7.951.956.167)
GIÁ TRỊ THUẦN	302.356.361.075	367.941.321.737

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.951.956.167	8.782.255.439
Dự phòng trích lập trong năm	3.964.818.824	1.255.521.418
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(57.799.774)	(2.085.820.690)
Số cuối năm	11.858.975.217	7.951.956.167

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Unico Vina	4.849.440.000	-
Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại An Tâm	2.070.153.922	-
Công ty Cổ phần Searefico	-	11.956.511.939
Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	-	9.685.372.637
Các nhà cung cấp khác	7.988.367.414	19.929.756.926
TỔNG CỘNG	14.907.961.336	41.571.641.502
Dự phòng trả trước cho người bán	(544.549.903)	(474.168.263)
GIÁ TRỊ THUẦN	14.363.411.433	41.097.473.239

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	474.168.263	-
Dự phòng trích lập trong năm	70.381.640	474.168.263
Số cuối năm	544.549.903	474.168.263

9. PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	322.447.832.150	214.064.897.013
Bồi thường từ bảo hiểm (Thuyết minh số 29)	128.789.701.531	-
Ủy quyền để nhận chuyển nhượng bất động sản	63.598.445.689	-
Ký quỹ bảo lãnh ngân hàng (*)	35.808.617.058	46.418.846.183
Hoa hồng	27.203.448.442	24.672.154.128
Tạm ứng nhân viên	24.992.793.285	96.133.206.075
Chi hộ	18.376.063.897	19.160.067.264
Ký quỹ, ký cược	11.195.301.140	15.838.771.411
Lãi dự thu	7.751.686.845	5.873.476.955
Khác	4.731.774.263	5.968.374.997
Dài hạn	25.080.075.393	21.804.878.209
Ký quỹ	25.080.075.393	21.804.878.209
TỔNG CỘNG	347.527.907.543	235.869.775.222
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	(6.596.762.520)	(3.690.109.338)
GIÁ TRỊ THUẦN	340.931.145.023	232.179.665.884
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	9.222.020.195	74.339.676.713
Bên khác	331.709.124.828	157.839.989.171

(*) Số cuối năm thể hiện các khoản tiền ký quỹ tại ngân hàng để bảo lãnh thanh toán theo yêu cầu của các hãng hàng không cho dịch vụ vận chuyển quốc tế và đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 22).

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.690.109.338	-
Dự phòng trích lập trong năm	2.906.653.182	3.690.109.338
Số cuối năm	6.596.762.520	3.690.109.338

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dịch vụ dở dang	11.232.750.489	7.818.153.990
Nhiên liệu, vật liệu	3.457.497.396	3.738.000.184
Công cụ, dụng cụ	806.910.597	1.455.830.240
TỔNG CỘNG	15.497.158.482	13.011.984.414

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	23.092.812.833	18.656.073.032
Chi phí sửa chữa	12.213.842.803	6.406.701.104
Công cụ, dụng cụ	4.579.248.134	5.757.947.463
Chi phí bảo hiểm	2.662.107.571	2.066.309.002
Khác	3.637.614.325	4.425.115.463
Dài hạn	445.942.099.962	227.462.556.733
Chi phí thuê đất (*)	367.347.059.010	187.347.281.738
Chi phí sửa chữa	33.836.066.142	11.128.910.569
Công cụ, dụng cụ	13.874.406.710	16.872.787.044
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng (**)	7.687.306.840	7.862.349.880
Khác	23.197.261.260	4.251.227.502
TỔNG CỘNG	469.034.912.795	246.118.629.765

(*) Số cuối năm thể hiện chi phí thuê đất trả trước còn lại chưa phân bổ, bao gồm:

- Hợp đồng thuê đất số 07/HĐTQSDĐ-VL2-2022 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 để thuê lại hai lô đất E2 và E3 thuộc khu E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Quốc lộ 1, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An có diện tích 29.113 m² trong vòng 39 năm;
- Quyền sử dụng đất trả trước một lần với diện tích đất là 221.761,9 m² thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh Cảng tiếp nhận tàu 30.000 DWT đến 40.000 DWT giảm tải;

- Hợp đồng thuê đất số 03/2015/HĐTLĐ/IZI với Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Hòa Cẩm vào ngày 21 tháng 1 năm 2015 để thuê lại lô đất C-9 thuộc khu C, Khu công nghiệp Hòa Cẩm, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng có diện tích 16.290 m² trong vòng 15 năm; và
- Hợp đồng thuê đất số VSIP/LED/LA-VSIPIIA/DV11/21007 với Công ty Liên Doanh TNHH Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore vào ngày 4 tháng 11 năm 2021 để thuê lại Khu đất số 1222, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A, Xã Vĩnh Tân, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương có diện tích 35.408,7 m² trong vòng 37 năm.
- Giá trị quyền sử dụng đất thuê trả trước một lần với diện tích đất là 221.761,9 m² thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh Cảng tiếp nhận tàu 30.000 DWT đến 40.000 DWT giảm tải. Giá trị này tương ứng phần góp vốn của Công ty Cổ phần Hóa Dầu Quân Đội theo Biên bản định giá tài sản góp vốn ngày 30 tháng 6 năm 2017 của các cổ đông sáng lập.

Tập đoàn đã thế chấp giá trị quyền sử dụng đất thuê trên để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 22).

(**) Số cuối năm thể hiện chi phí đền bù giải phóng mặt bằng để thuê lại đất tại Phường Dị Sử, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên có diện tích 29.750 m² với thời hạn thuê từ ngày 25 tháng 1 năm 2017 đến ngày 6 tháng 6 năm 2066. Số tiền này được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm. Số tiền này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 22).



12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 33)	2.715.536.922.249	638.087.290.457	999.829.190.397	18.548.969.221	109.205.819.327	4.481.208.191.651
Mua trong năm	1.134.961.693	1.025.150.000	81.498.746.324	20.339.686.851	-	103.998.544.868
Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	32.419.911.225	150.711.159.719	2.173.348.150	-	-	185.304.419.094
Phân loại lại	(515.554.967)	-	327.272.727	(327.272.727)	-	(515.554.967)
Thanh lý và xóa sổ	-	(213.194.834.002)	(69.048.618.585)	-	(2.552.750.667)	(284.796.203.254)
Số cuối năm	2.748.576.240.200	576.628.766.174	1.014.779.939.013	38.561.383.345	106.653.068.660	4.485.199.397.392
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	44.181.339.080	2.631.590.018	33.424.137.336	3.013.356.802	24.679.673.659	107.930.096.895
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 33)	(364.614.329.532)	(134.657.428.089)	(404.441.025.262)	(14.667.044.063)	(52.245.859.212)	(970.625.686.158)
Khấu hao trong năm	(91.822.873.960)	(44.079.432.415)	(100.906.944.789)	(2.686.060.402)	(7.685.779.027)	(247.181.090.593)
Phân loại lại	357.639.456	-	(185.454.530)	185.454.530	-	357.639.456
Thanh lý và xóa sổ	-	43.893.977.321	45.099.493.351	-	1.526.029.597	90.519.500.269
Số cuối năm	(455.777.898.258)	(134.195.676.281)	(461.105.830.271)	(17.444.623.574)	(58.405.608.642)	(1.126.929.637.026)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 33)	2.350.922.592.717	503.429.862.368	595.388.165.135	3.881.925.158	56.959.960.115	3.510.582.505.493
Số cuối năm	2.292.798.341.942	442.433.089.893	553.674.108.742	21.116.759.771	48.247.460.018	3.358.269.760.366

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Tập đoàn đã thế chấp một số tài sản nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng và bên liên quan.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND				
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Trang web	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 33)	76.915.681.581	15.433.791.589	32.500.000	92.381.973.170
Tăng do hợp nhất công ty con	-	69.000.000	-	69.000.000
Mua trong năm	-	3.301.419.830	-	3.301.419.830
Số cuối năm	76.915.681.581	18.804.211.419	32.500.000	95.752.393.000
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	4.163.268.679	32.500.000	4.195.768.679
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 33)	-	(10.805.522.663)	(32.500.000)	(10.838.022.663)
Tăng do hợp nhất công ty con	-	(9.200.000)	-	(9.200.000)
Hao mòn trong năm	-	(1.441.516.587)	-	(1.441.516.587)
Số cuối năm	-	(12.256.239.250)	(32.500.000)	(12.288.739.250)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 33)	76.915.681.581	4.628.268.926	-	81.543.950.507
Số cuối năm	76.915.681.581	6.547.972.169	-	83.463.653.750

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Tập đoàn đã thế chấp một số quyền sử dụng đất nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND	
	Nhà cửa và vật kiến trúc
Nguyên giá:	
Số đầu năm	90.106.164.459
Mua mới	4.560.884.564
Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	26.123.531.032
Chuyển từ tài sản cố định	515.554.967
Số cuối năm	121.306.135.022
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	(49.237.346.823)
Khấu hao trong năm	(3.878.660.019)
Chuyển từ tài sản cố định	(357.639.456)
Số cuối năm	(53.473.646.298)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	40.868.817.636
Số cuối năm	67.832.488.724

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn bao gồm:

- Tòa nhà Transimex tọa lạc tại số 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Một phần của tòa nhà văn phòng tọa lạc tại số 184 Trần Phú, phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam;
- Ngôi nhà tọa lạc tại số 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và;
- Một phần của tòa nhà tọa lạc tại số 109-111 Lê Đức Thọ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Việt Nam.
- Tòa nhà văn phòng tại thửa đất số 5 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày tại Thuyết minh số 25.1 và Thuyết minh số 26.

Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá trị thị trường của tài sản, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án kho lạnh tại Long An (*)	322.135.096.053	273.226.438.731
Phương tiện vận tải	38.515.018.588	21.008.834.545
Dự án kho bãi tại KCN Vĩnh Lộc	25.660.856.249	32.324.847.400
Tòa nhà văn phòng	-	30.122.311.313
Chi phí dự án khác	1.787.795.465	2.955.644.462
TỔNG CỘNG	388.098.766.355	359.638.076.451

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Tập đoàn đã thế chấp một số tài sản nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh số 16.1)	1.787.473.522.596	1.720.171.684.014
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 16.2)	14.057.951.487	11.540.486.487
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 16.3)	2.000.000.000	3.000.000.000
TỔNG CỘNG	1.803.531.474.083	1.734.712.170.501

16.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Quan hệ	Hoạt động kinh doanh	Tình trạng	Số cuối năm		Số đầu năm	
				Giá trị đầu tư VND	% Lợi ích %	Giá trị đầu tư VND	% Lợi ích %
Công ty TNHH Nippon Express (Việt Nam) ("Nippon")	Công ty liên doanh	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	793.249.246.171	50,00	775.344.091.666	50,00
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ lớn ("CLX") (*)	Công ty liên kết	Thương mại và dịch vụ	Đang hoạt động	523.876.631.848	28,67	510.654.564.729	30,11
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương ("VNT") (*)	Công ty liên kết	Dịch vụ giao nhận vận chuyển	Đang hoạt động	216.816.333.070	36,39	217.807.174.885	35,96
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ("HACT")	Công ty liên kết	Vận tải ven biển và viễn dương	Đang hoạt động	191.281.522.778	20,00	160.719.119.371	20,00
Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản ("SPV")	Công ty liên kết	Sản xuất và thương mại	Đang hoạt động	58.499.037.371	21,71	51.862.012.517	20,04
Công ty Cổ phần điện Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc ("Vĩnh Lộc")	Công ty liên kết	Sản xuất và thương mại	Đang hoạt động	3.750.751.358	20,00	3.784.720.846	20,00
TỔNG CỘNG				1.787.473.522.596		1.720.171.684.014	

(*) Một phần cổ phiếu CLX và VNT đã thế chấp để làm tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu và vay bên liên quan (Thuyết minh số 22).

Chi tiết giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết này trong năm hiện tại như sau:

				VND			
	Nippon	CLX	VNT	HACT	SPV	Vĩnh Lộc	Tổng cộng
Giá gốc:							
Số đầu năm	12.525.000.000	260.738.000.000	213.163.745.079	40.000.000.000	47.876.647.410	6.000.000.000	580.303.392.489
Nhận chuyển nhượng	-	-	48.388.340	-	3.131.538.350	-	3.179.926.690
Chuyển nhượng	-	(12.413.000.000)	(994.200.000)	-	-	-	(13.407.200.000)
Số cuối năm	12.525.000.000	248.325.000.000	212.217.933.419	40.000.000.000	51.008.185.760	6.000.000.000	570.076.119.179
Lợi nhuận (lỗ) lũy kế sau khi mua các công ty liên doanh, liên kết:							
Số đầu năm	762.819.091.666	249.916.564.729	4.643.429.806	120.719.119.371	3.985.365.107	(2.215.279.154)	1.139.868.291.525
Phần lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên doanh, liên kết trong năm	43.405.154.505	49.988.573.945	106.479.853	30.562.403.407	4.630.286.504	(33.969.488)	128.658.928.726
Cổ tức	(25.500.000.000)	(17.770.970.000)	-	-	(1.124.800.000)	-	(44.395.770.000)
Chuyển nhượng	-	(6.582.536.826)	(151.510.008)	-	-	-	(6.734.046.834)
Số cuối năm	780.724.246.171	275.551.631.848	4.598.399.651	151.281.522.778	7.490.851.611	(2.249.248.642)	1.217.397.403.417
Giá trị còn lại:							
Số đầu năm	775.344.091.666	510.654.564.729	217.807.174.885	160.719.119.371	51.862.012.517	3.784.720.846	1.720.171.684.014
Số cuối năm	793.249.246.171	523.876.631.848	216.816.333.070	191.281.522.778	58.499.037.371	3.750.751.358	1.787.473.522.596

16.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

VND

Tên công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Liên doanh Vận tải Việt Nhật	4.917.335.327	4.917.335.327
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam	4.246.950.000	4.246.950.000
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	3.620.745.000	1.650.000.000
Khác	1.272.921.160	726.201.160
TỔNG CỘNG	14.057.951.487	11.540.486.487

16.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
Trái phiếu	-	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	2.000.000.000	3.000.000.000

(*) Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi dài hạn tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,2%/năm.

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

	TLL	VNF	VMT	MIPEC	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 33) và số cuối năm	18.134.538.566	30.672.752.126	14.218.523.140	155.624.799.925	218.650.613.757
Phân bổ lũy kế:					
Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 33)	(9.973.996.213)	(20.704.107.687)	(4.265.556.942)	-	(34.943.660.842)
Phân bổ trong năm	(1.813.453.857)	(3.067.275.213)	(1.421.852.314)	(15.562.479.993)	(21.865.061.377)
Số cuối năm	(11.787.450.070)	(23.771.382.900)	(5.687.409.256)	(15.562.479.993)	(56.808.722.219)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 33)	8.160.542.353	9.968.644.439	9.952.966.198	155.624.799.925	183.706.952.915
Số cuối năm	6.347.088.496	6.901.369.226	8.531.113.884	140.062.319.932	161.841.891.538

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên thứ ba khác	222.487.242.892	197.111.244.630
- World Alliance GSA Pte Ltd	48.766.427.825	31.451.066.453
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico	33.856.494.966	-
- Ethiopian Airlines	5.044.712.787	28.093.413.248
- Các bên khác	134.819.607.314	137.566.764.929
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	3.020.728.987	4.659.750.374
TỔNG CỘNG	225.507.971.879	201.770.995.004

19. THUẾ

VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tăng do hợp nhất công ty con	Số cuối năm
Phải trả					
Thuế Thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	46.705.708.356	84.992.306.629	(70.116.675.618)	-	61.581.339.367
Tiền thuê đất	9.394.528.081	19.881.137.067	(17.532.505.047)	-	11.743.160.101
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")	3.413.245.480	164.400.192.820	(164.364.059.422)	-	3.449.378.878
Thuế thu nhập cá nhân	2.465.818.284	21.121.070.265	(21.195.718.075)	714.356	2.391.884.830
Thuế nhà thầu	4.388.179.021	25.177.874.299	(28.054.908.596)	-	1.511.144.724
Thuế khác	-	1.646.962.525	(1.646.962.525)	-	-
TỔNG CỘNG	66.367.479.222	317.219.543.605	(302.910.829.283)	714.356	80.676.907.900
Phải thu					
Thuế GTGT	132.248.823.307	101.721.848.778	(95.501.171.743)	8.091.141.204	146.560.641.546
Thuế TNDN	4.317.797.931	-	-	-	4.317.797.931
Thuế thu nhập cá nhân	-	136.448.633	-	-	136.448.633
Thuế khác	5.000.000	19.030.678.610	(17.865.563.347)	-	1.170.115.263
TỔNG CỘNG	136.571.621.238	120.888.976.021	(113.366.735.090)	8.091.141.204	152.185.003.373

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển	22.882.222.552	12.383.295.399
Chi phí thuê kho	4.911.581.447	4.911.581.447
Chi phí lãi vay	3.722.132.058	3.933.797.835
Khác	15.435.632.329	4.061.940.182
TỔNG CỘNG	46.951.568.386	25.290.614.863

21. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	213.606.408.578	162.359.972.989
Thu hộ các hãng tàu	157.095.553.017	98.718.903.564
Thu hộ từ bán vé máy bay và cước vận chuyển quốc tế	19.175.677.391	19.175.677.391
Nhận đặt cọc, ký quỹ và ký cược	14.438.201.360	14.521.848.978
Lãi vay	9.997.537.331	12.309.779.221
Phí hoa hồng	2.353.922.140	5.646.680.106
Cổ tức	2.170.250.036	1.321.325.260
Khác	8.375.267.303	10.665.758.469
Dài hạn	19.369.342.198	17.639.907.095
Nhận ký quỹ	19.369.342.198	17.639.907.095
TỔNG CỘNG	232.975.750.776	179.999.880.084
Trong đó:		
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 32)	402.358.117	449.336.758
Phải trả bên thứ ba	232.573.392.659	179.550.543.326

22. VAY

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	757.634.272.592	420.596.804.664
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	332.636.239.304	154.934.871.696
Trái phiếu dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 22.4)	247.323.611.104	176.727.272.724
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 22.2)	103.608.838.259	60.023.276.319
Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22.3)	69.770.400.000	24.616.200.000
Vay khác	4.295.183.925	4.295.183.925
Vay dài hạn	1.692.048.762.750	1.778.225.777.886
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.2)	1.424.474.899.115	1.290.183.996.071
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 22.3)	-	73.848.600.000
Trái phiếu (Thuyết minh số 22.4)	267.573.863.635	414.193.181.815
TỔNG CỘNG	2.449.683.035.342	2.198.822.582.550

Biến động khoản vay và trái phiếu trong năm như sau:

VND

	Ngắn hạn	Dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	420.596.804.664	1.778.225.777.886	2.198.822.582.550
Vay trong năm	897.352.708.989	348.410.448.546	1.245.763.157.535
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	79.500.000	(4.078.200.000)	(3.998.700.000)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	3.272.727.276	704.292.922	3.977.020.198
Trả trong năm	(984.361.141.565)	(10.519.883.376)	(994.881.024.941)
Phân loại lại	420.693.673.228	(420.693.673.228)	-
Số cuối năm	757.634.272.592	1.692.048.762.750	2.449.683.035.342

22.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Tập đoàn có các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động, với chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	(VND) (USD)		% /năm	
Ngân hàng Cathay United Bank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh				
Khoản vay 1	135.420.300.000 5.300.000	Ngày 1 tháng 8 năm 2025	6,10	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam				
Khoản vay 1	84.764.707.411 -	Ngày 27 tháng 4 năm 2025	3,68-3,80	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Khoản vay 1	47.824.921.508 -	Ngày 25 tháng 2 năm 2025	5,50	Các hợp đồng tiền gửi với tổng giá trị là 20.150.000.000 VND (Thuyết minh số 9)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam				
Khoản vay 1	39.924.357.766 -	Từ ngày 10 tháng 1 năm 2025 đến ngày 24 tháng 4 năm 2025	Lãi suất theo từng lần nhận nợ	Tín chấp
Khoản vay 2	7.756.243.013 -	Từ ngày 21 tháng 1 năm 2025 đến ngày 27 tháng 3 năm 2025	4,5-5,8	Các tài sản hợp pháp của Công ty

22.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng (tiếp theo)

Tập đoàn có các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động, với chi tiết được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm		Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	(VND)	(USD)		% /năm	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồng Bàng					
Khoản vay 1	16.945.709.606	-	Từ ngày 18 tháng 3 năm 2025 đến ngày 27 tháng 12 năm 2025	4,5-5,0	Quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với mảnh đất. Quyền tài sản phát sinh từ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cảng tiếp nhận tàu 30,000 DWT đến 40,000 DWT giảm tải tại bán đảo Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng. Toàn bộ máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải hình thành trong tương lai thuộc dự án trên.
TỔNG CỘNG	332.636.239.304	5.300.000			

22.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Tập đoàn có các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động và vốn đầu tư, với chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	(VND)		% /năm	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồng Bàng				
Khoản vay 1	841.999.995.546	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2026 đến ngày 3 tháng 10 năm 2030	8,4 -10,5	Quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với mảnh đất. Quyền tài sản phát sinh từ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cảng tiếp nhận tàu 30,000 DWT đến 40,000 DWT giảm tải tại bán đảo Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng. Toàn bộ máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải hình thành trong tương lai thuộc dự án trên.

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	(VND)		% /năm	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Khoản vay 1	446.165.319.018	Từ ngày 20 tháng 6 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030	6,7	Thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 26,196 m² tại thửa đất số 728, tờ bản đồ số 5, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An thuộc dự án kho lạnh Long An
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam				
Khoản vay 1	114.714.285.716	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2025 đến ngày 8 tháng 6 năm 2030	7,18-7,68	Tàu biển
Khoản vay 2	58.520.929.504	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2025 đến ngày 25 tháng 11 năm 2028	7,0	Các quyền sử dụng đất tại số 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và sản hình thành trên đất.
Khoản vay 3	28.500.000.000	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2025 đến ngày 23 tháng 7 năm 2026	7,0	Khoản chi phí trả trước, tài sản gắn liền với đất, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải; Các tài sản hợp pháp của Công ty
Khoản vay 4	38.183.207.592	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2025 đến ngày 10 tháng 5 năm 2026	7,5	Các xe đầu kéo, xe tải và một ô tô con
TỔNG CỘNG	1.528.083.737.376			

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	103.608.838.259
Vay dài hạn	1.424.474.899.115

22.3 Vay từ bên liên quan

Tập đoàn có các khoản vay từ Ryobi Holdings Co., Ltd., một bên liên quan của Tập đoàn, với chi tiết được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm		Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	(VND)	(JPY)		%/năm	
Ryobi Holdings Co., Ltd.					
Khoản vay 1 - JPY	69.770.400.000	420.000.000	Ngày 29 tháng 3 năm 2025	1,75	Máy móc và các thiết bị tại Trung tâm kho cảng ICD và Trung tâm logistics Transimex Đà Nẵng; 1.500.000 cổ phiếu VNT và 4.000.000 cổ phiếu TJC

22.4 Trái phiếu dài hạn

Chi tiết các khoản trái phiếu thường trong nước mà Tập đoàn đã phát hành nhằm bổ sung vốn cho các hoạt động đầu tư và kinh doanh được trình bày như sau:

Trái phiếu	Số cuối năm		Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	(VND)			(% năm)	
Ngày phát hành 13 tháng 8 năm 2021	120.000.000.000		Ngày 13 tháng 8 năm 2026. Trái chủ có quyền yêu cầu Công ty mua lại toàn bộ hoặc một phần trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn 3 năm (ngày 13 tháng 8 năm 2024) kể từ ngày phát hành với điều kiện trái chủ phải gửi thông báo về việc thực hiện quyền chọn bán ít nhất 9 tháng trước ngày chọn bán dự định.	8,3	11.700.000 cổ phiếu CLX
Ngày phát hành 14 tháng 6 năm 2023	300.000.000.000		Ngày 14 tháng 6 năm 2026. Trái chủ có quyền yêu cầu Công ty mua lại tối đa 50% trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn 24 tháng kể từ ngày phát hành (ngày 14 tháng 6 năm 2025) với điều kiện trái chủ phải gửi thông báo về việc thực hiện quyền chọn bán ít nhất 90 ngày trước ngày chọn bán dự định.	10,5	9.630.000 cổ phiếu TMS sở hữu bởi các cổ đông, và 1.000.000 cổ phiếu PDN

Trái phiếu	Số cuối năm	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	(VND)		(% năm)	
Ngày phát hành 13 tháng 8 năm 2024	100.000.000.000	Ngày 13 tháng 8 năm 2026 Trái chủ có quyền yêu cầu Công ty mua lại toàn bộ hoặc một phần trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn 1 năm (ngày 13 tháng 8 năm 2025) kể từ ngày phát hành với điều kiện trái chủ phải gửi thông báo về việc thực hiện quyền chọn bán ít nhất 3 tháng trước ngày chọn bán dự định.	9,5	5.600.000 cổ phiếu CLX và 868.000 cổ phiếu PDN
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(5.102.525.263)			
TỔNG CỘNG	514.897.474.737			

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	250.000.000.000
Trái phiếu dài hạn	270.000.000.000

23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Số đầu năm	Tăng do trích lập	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
				VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25.182.735.073	2.248.418.171	(15.810.132.173)	11.621.021.071
Quỹ phúc lợi hình thành tài sản cố định	2.032.776.057	-	(261.235.824)	1.771.540.233
Quỹ hoạt động và quỹ thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	18.944.957.739	1.000.000.000	(6.664.528.176)	13.280.429.563
TỔNG CỘNG	46.160.468.869	3.248.418.171	(22.735.896.173)	26.672.990.867

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

				VND			
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 33)	1.058.715.480.000	716.705.756.123	(189.990.900)	156.721.919.506	47.701.198.595	1.773.271.320.172	3.752.925.683.496
Cổ phiếu thưởng	158.782.970.000	(158.782.970.000)	-	-	-	-	-
Cổ tức bằng cổ phiếu	365.206.830.000	-	-	-	-	(365.206.830.000)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu nhận được từ công ty con	-	-	-	-	4.147.500.000	(4.147.500.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	160.044.252.822	160.044.252.822
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.000.000.000	60.760.961	(6.663.359.785)	(4.602.598.824)
Khác	-	-	-	-	-	(11.504.632)	(11.504.632)
Số cuối năm	1.582.705.280.000	557.922.786.123	(189.990.900)	158.721.919.506	51.909.459.556	1.557.286.378.577	3.908.355.832.862
Năm nay							
Số đầu năm	1.582.705.280.000	557.922.786.123	(189.990.900)	158.721.919.506	51.909.459.556	1.557.286.378.577	3.908.355.832.862
Cổ tức bằng cổ phiếu (*)	110.774.260.000	-	-	-	-	(110.774.260.000)	-
Cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	-	-	(79.129.454.500)	(79.129.454.500)
Cổ tức bằng cổ phiếu nhận được từ công ty con	-	-	-	-	6.888.559.000	(6.888.559.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	202.578.313.485	202.578.313.485
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(1.753.919.539)	(1.753.919.539)
Giao dịch vốn với các cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(10.029.040.166)	(10.029.040.166)
Khác	-	-	-	-	-	89.955.725	89.955.725
Số cuối năm	1.693.479.540.000	557.922.786.123	(189.990.900)	158.721.919.506	58.798.018.556	1.551.379.414.582	4.020.111.687.867

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/2024/NQ.ĐHĐCĐ-TMS ngày 25 tháng 4 năm 2024, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 12% trong đó bao gồm 5% cổ tức bằng tiền và 7% cổ tức bằng cổ phiếu. Tiếp đó, vào ngày 10 tháng 7 năm 2024, HĐQT thông qua việc triển khai phương án chi trả cổ tức bằng tiền và cổ phiếu theo tỷ lệ nêu trên thông qua Nghị quyết HĐQT số 27/NQ.HĐQT NK6-TMS. Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức bằng tiền 78.869.350.275 VND cho các cổ đông lưu ký vào ngày 5 tháng 8 năm 2024. Tiếp theo đó, vào ngày 15 tháng 10 năm 2024, Công ty đã phát hành 11.077.426 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 theo Công văn số 6926/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Theo đó, vốn cổ phần Công ty tăng từ 1.582.705.280.000 VND lên 1.693.479.540.000 VND vào ngày này. Vào ngày 5 tháng 11 năm 2024, Công ty đã nhận GCNĐKDN điều chỉnh được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cho về việc tăng vốn điều lệ này.

24.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	1.582.705.280.000	1.058.715.480.000
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	110.774.260.000	365.206.830.000
Phát hành cổ phiếu thưởng	-	158.782.970.000
Số cuối năm	1.693.479.540.000	1.582.705.280.000
Cổ tức đã công bố trong năm		
Cổ tức bằng cổ phiếu	110.774.260.000	365.206.830.000
Cổ tức bằng tiền	79.129.454.500	-
Cổ tức đã chi trong năm		
Cổ tức bằng cổ phiếu	110.774.260.000	365.206.830.000
Cổ tức bằng tiền	78.869.350.275	-

24.3 Cổ phiếu phổ thông

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	169.347.954	158.270.528
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	169.347.954	158.270.528
Cổ phiếu phổ thông	169.347.954	158.270.528
Cổ phiếu quỹ	(11.619)	(11.619)
Cổ phiếu phổ thông	(11.619)	(11.619)
Cổ phiếu đang lưu hành	169.336.335	158.258.909
Cổ phiếu phổ thông	169.336.335	158.258.909

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

24.4 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 33)
Số đầu năm	1.201.721.381.548	394.660.109.057
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	765.106.042.622
Giao dịch vốn góp với cổ đông không kiểm soát	(3.415.420.864)	143.834.910
Nhận vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	-	26.149.552.100
(Lỗ) lợi nhuận thuần trong năm	(32.408.479.377)	36.089.568.500
Cổ tức công bố	(24.732.886.108)	(16.407.097.800)
Trích lập các quỹ	(1.424.517.596)	(3.502.952.805)
Khác	(1.120.460)	(517.675.036)
Số cuối năm	1.139.738.957.143	1.201.721.381.548

24.5 Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	202.578.313.485	160.044.252.822
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	202.578.313.485	160.044.252.822
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (*)	169.347.954	169.347.954
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.196	945
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.196	945

(*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh việc phát hành 11.077.426 cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND		
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	3.356.093.696.306	2.403.225.044.262
Doanh thu cước vận tải, vé máy bay và dịch vụ giao nhận hàng hóa	2.493.095.975.844	1.675.078.782.481
Doanh dịch vụ kho vận, sà lan	613.809.801.485	561.394.710.324
Doanh thu cho thuê văn phòng	61.087.080.776	48.680.987.467
Doanh thu cho thuê tàu, đất	80.999.386.452	47.457.923.286
Doanh thu dịch vụ khác	107.101.451.749	70.612.640.704
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Vé máy bay bị hoàn trả	(24.813.516.482)	(13.406.743.467)
Khác	(5.615.495.856)	-
Doanh thu thuần	3.325.664.683.968	2.389.818.300.795
Trong đó:		
Doanh thu từ các bên liên quan	52.909.330.568	29.668.130.229
Doanh thu từ bên thứ ba	3.272.755.353.400	2.360.150.170.566

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND		
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	27.103.922.755	13.379.543.933
Lãi tiền gửi ngân hàng	23.452.656.619	32.866.214.412
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.746.167.389	9.387.339.240
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	3.469.193.418	7.156.735.542
Lãi từ đánh giá lại giá trị hợp lý khoản đầu tư	-	9.622.468.247
Khác	1.659.723	88.235.157
TỔNG CỘNG	70.773.599.904	72.500.536.531

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cước vận tải, vé máy bay và dịch vụ giao nhận hàng hóa	2.286.886.840.463	1.539.786.026.351
Giá vốn dịch vụ kho vận, sà lan	394.624.521.611	344.698.001.708
Giá vốn cho thuê văn phòng	34.739.156.674	29.133.306.579
Giá vốn cho thuê tàu, đất	47.941.072.673	29.929.813.733
Giá vốn dịch vụ khác	40.066.529.429	35.612.043.021
TỔNG CỘNG	2.804.258.120.850	1.979.159.191.392

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	147.753.601.390	78.147.822.175
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	12.827.707.865	10.120.004.705
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	7.920.298.561	550.212.378
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu, và các chi phí đi vay khác	4.177.020.198	2.920.454.545
Khác	6.769.143	149.406.833
TỔNG CỘNG	172.685.397.157	91.887.900.636

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	56.281.408.075	33.607.873.201
Chi phí hoa hồng môi giới	51.703.930.480	32.488.680.190
Chi phí nhân viên	3.541.746.240	-
Chi phí khác	1.035.731.355	1.119.193.011
Chi phí quản lý doanh nghiệp	224.337.676.111	187.277.133.658
Chi phí nhân viên	95.100.267.019	86.171.544.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.278.714.372	63.905.468.395
Phân bổ lợi thế thương mại	21.865.061.377	6.302.581.384
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.916.336.700	5.585.057.298
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.701.880.177	646.972.725
Chi phí đồ dùng văn phòng	890.169.558	538.765.412
Chi phí khác	24.585.246.908	24.126.744.172
TỔNG CỘNG	280.619.084.186	220.885.006.859

29. CHI PHÍ KHÁC VÀ THU NHẬP KHÁC

VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 33)
Thu nhập khác	135.157.463.396	33.802.101.552
Thu nhập từ bồi thường (*)	131.721.301.531	-
Lãi từ giao dịch mua rẻ (Thuyết minh số 4.1)	-	28.168.907.834
Thanh lý tài sản cố định	-	1.358.967.899
Khác	3.436.161.865	4.274.225.819
Chi phí khác	(164.538.621.714)	(7.162.056.606)
Thanh lý, xóa sổ tài sản cố định	(160.005.976.569)	-
Chi phí phạt	(1.903.899.990)	(449.338.044)
Chi phí khác	(2.628.745.155)	(6.712.718.562)
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	(29.381.158.318)	26.640.044.946

(*) Đây là giá trị khoản bồi thường mà Tập đoàn ước tính nhận được từ các công ty bảo hiểm dựa trên báo cáo giám định thiệt hại được phát hành bởi Công ty TNHH McLaren Việt Nam, đơn vị được các công ty bảo hiểm chỉ định để giám định và đánh giá tổn thất liên quan đến một số tài sản cố định bị thiệt hại do bão Yagi gây ra với tổng số tiền là 131.721.301.531 VND. Trong năm 2024, Tập đoàn đã nhận được một phần số tiền bồi thường là 2.931.600.000 VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục liên quan để nhận được các khoản bồi thường nêu trên.

30. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.342.414.006.910	1.644.354.583.759
Chi phí nhân viên	313.742.291.899	264.483.689.688
Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	274.366.328.576	144.918.366.315
Chi phí nguyên vật liệu	83.720.192.157	82.239.090.261
Chi phí khác	70.634.385.494	64.048.468.228
TỔNG CỘNG	3.084.877.205.036	2.200.044.198.251

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN	84.532.351.728	63.685.038.496
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	459.954.901	191.127.282
Chi phí thuế TNDN hiện hành	84.992.306.629	63.876.165.778
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(17.008.688.650)	(22.600.816.586)
TỔNG CỘNG	67.983.617.979	41.275.349.192

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	238.153.452.087	237.409.170.514
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	47.630.690.417	47.481.834.103
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	2.923.250.862	2.497.500.950
Chi phí lãi vay không được trừ	12.683.694.215	-
Phân bổ lợi thế thương mại	4.373.012.275	1.260.516.277
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	459.954.901	191.127.282
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả chưa được ghi nhận liên quan đến các khoản lỗ được chuyển sang kỳ sau	33.264.976.272	17.051.902.022
Cổ tức	(3.349.277.791)	(1.748.330.385)
Thanh lý các công ty liên kết	2.693.618.758	-
Chênh lệch do khấu hao tài sản cố định phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh	5.014.776.938	-
Điều chỉnh hợp nhất	7.480.312.250	(7.163.074.683)
Dự phòng khoản đầu tư	(19.459.605.373)	(10.219.648.948)
Lợi nhuận từ công ty liên kết	(25.731.785.745)	(8.076.477.426)
Chi phí thuế TNDN	67.983.617.979	41.275.349.192

31.2 Thuế TNDN

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

31.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho khoản chênh lệch tạm thời như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
		Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 33)		
	Số cuối năm		Năm nay	Năm trước
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	36.676.022.140	18.557.226.145	18.118.795.995	10.219.648.948
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.107.192.459	3.283.946.200	(2.176.753.741)	1.715.114.066
Khác	-	-	-	(498.075.798)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	37.783.214.599	21.841.172.345		
Chênh lệch giá trị hợp lý của tài sản từ hợp nhất kinh doanh	143.347.138.750	144.413.785.146	1.066.646.396	11.164.129.370
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	143.347.138.750	144.413.785.146		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			17.008.688.650	22.600.816.586

31.4 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 513.576.461.126 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 350.554.622.546 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
2020 (*)	2025	78.350.147.237	-	-	78.350.147.237
2021 (**)	2026	155.214.222.441	-	-	155.214.222.441
2022 (**)	2027	62.693.648.888	-	-	62.693.648.888
2023 (**)	2028	54.296.603.980	-	-	54.296.603.980
2024 (**)	2029	163.021.838.580	-	-	163.021.838.580
TỔNG CỘNG		513.576.461.126	-	-	513.576.461.126

(*) Lỗ thuế theo biên bản của thanh tra thuế.
(**) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Tập đoàn chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ thuế lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

31.5 Chi phí lãi vay chuyển cho các năm sau

Các công ty con của Tập đoàn được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Chi phí lãi vay	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
2022	2027	93.234.282.385	-	-	93.234.282.385
2023	2028	72.647.749.309	-	-	72.647.749.309
2024	2029	61.455.695.503			61.455.695.503
TỔNG CỘNG		227.337.727.197	-	-	227.337.727.197

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ còn lại trị giá 227.337.727.197 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 165.882.031.694 VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Tập đoàn trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Duy Hiệp	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh An Trung	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Võ Hoàng Giang	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Toshiyuki Matsuda	Thành viên HĐQT
Ông Charvanin Bunditkitsada	Thành viên HĐQT
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Tôn Thất Hưng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 9 năm 2024)
Ông Nguyễn Chí Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Phúc Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Hùng	Giám đốc Tài chính

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Phạm Xuân Quang	Kế toán trưởng (từ ngày 4 tháng 3 năm 2024)
Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Kế toán trưởng (đến hết ngày 3 tháng 3 năm 2024)
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Trưởng Ban Kiểm soát (đến hết ngày 24 tháng 4 năm 2024)
Ông Vũ Chinh	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 25 tháng 4 năm 2024)
Bà Lê Thị Tường Vy	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Kim Hậu	Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 25 tháng 4 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Thái Nhi	Phụ trách Quản trị
SHTL	Công ty con trực tiếp
VNF	Công ty con trực tiếp
BDS	Công ty con trực tiếp
TOT	Công ty con trực tiếp
DC	Công ty con trực tiếp
LAL	Công ty con trực tiếp
HYL	Công ty con trực tiếp (đến hết ngày 22 tháng 2 năm 2024)
APS	Công ty con trực tiếp (từ ngày 5 tháng 6 năm 2024) Công ty liên quan của Phó Tổng Giám đốc (đến hết ngày 3 tháng 5 năm 2024)
TMS Port	Công ty con trực tiếp
TSP	Công ty con trực tiếp
TJC	Công ty con trực tiếp
MIPEC	Công ty con gián tiếp
TLL	Công ty con gián tiếp
VMT	Công ty con gián tiếp
VLL	Công ty con gián tiếp
SHTP	Công ty con gián tiếp
LAI	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc Tế	Công ty con gián tiếp
Vietway	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Logistics Xuê Hằng Việt Nam	Công ty con gián tiếp
CLX	Công ty liên kết
VNT	Công ty liên kết

Bên liên quan	Mối quan hệ
SPV	Công ty liên kết
HACT	Công ty liên kết
Nippon	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Điện Khu công nghiệp Vĩnh Lộc	Công ty liên kết
Ryobi Holdings Co.Ltd. (“Ryobi”)	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
JWD InfoLogistics Public Company Limited	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Ryobi Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Văn Hóa Việt	Cổ đông lớn
Công Ty Cổ Phần Prosper Logistics	Cổ đông lớn
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư New Asia	Cổ đông lớn
JWD Asia Holding Private Limited Company	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	Công ty liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	Công ty liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Thương mại Phú Nhuận	Công ty liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	Công ty liên quan của Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vinaprint	Công ty liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Hàng hải MACS	Công ty liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Vina	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Merufa	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Haneco	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Công ty liên quan của Trưởng BKS
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	Công ty liên quan của Thành viên BKS
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành	Công ty liên quan của Giám đốc Tài chính
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Đầu tư Tài Chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc - Bến Thành	Công ty liên quan của Thành viên BKS

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm như sau:

VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	Mua cổ phần công ty	152.382.017.500	-
	Chia cổ tức	5.977.454.500	-
	Cung cấp dịch vụ	1.295.080.061	746.158.241
	Sử dụng dịch vụ	464.870.348	128.893.649
Nippon	Lợi nhuận được chia	25.500.000.000	117.000.000.000
	Cung cấp dịch vụ	7.470.422.309	7.930.974.136
	Chi hộ	13.590.000	392.191.500
	Sử dụng dịch vụ	-	11.660.971
Công ty Cổ phần Vinaprint	Sử dụng dịch vụ	25.127.079.488	24.730.676.207
	Cung cấp dịch vụ	2.279.386.134	3.571.953.320
	Chia cổ tức	328.164.000	-
	Phải thu tiền cọc	-	319.650.000
Ryobi	Trả nợ vay	23.529.800.000	42.184.815.100
	Chi phí lãi vay	1.714.458.880	1.907.140.768
Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	Mua hàng	23.156.509.090	18.517.381.817
CLX	Thu nhập cổ tức	17.770.970.000	7.822.140.000
	Nhận vốn góp	-	1.822.040.000
	Chia cổ tức	-	601.273.800
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Ryobi Việt Nam	Chia cổ tức	16.587.773.000	-
	Cung cấp dịch vụ	1.397.749.168	1.399.311.445
	Phí môi giới	62.000.000	-
	Phí bồi thường	180.000.000	-
Công ty Cổ phần Prosper Logistics	Chia cổ tức	13.696.350.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Cung cấp dịch vụ	13.264.490.284	8.680.626.303
Ông Bùi Minh Tuấn	Chia cổ tức	11.468.741.000	-
SPV	Cung cấp dịch vụ	10.150.755.042	3.619.180.528
	Thu nhập cổ tức	1.124.800.000	-
	Thanh lý TSCĐ	146.296.298	-
	Mua hàng	648.148	-

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
HACT	Cung cấp dịch vụ	9.040.351.094	2.983.891.101
	Mua dịch vụ	1.988.808.677	4.065.391.000
	Thu nhập cổ tức	-	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Hàng hải MACS	Sử dụng dịch vụ	8.900.504.092	5.125.835.916
	Cung cấp dịch vụ	854.471.932	86.400.222
	Chia cổ tức	174.805.500	-
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Văn Hóa Việt	Chia cổ tức	7.982.992.000	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư New Asia	Chia cổ tức	5.791.351.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Vina	Chia cổ tức	5.686.356.000	-
	Mua cổ phần	-	104.987.520.000
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	Cung cấp dịch vụ	5.543.230.640	-
	Sử dụng dịch vụ	1.542.053.871	-
	Thu nhập cổ tức	1.065.038.889	-
JWD Asia Holding Private Limited	Chia cổ tức	4.947.820.000	-
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Mua cổ phiếu	1.970.745.000	-
	Cung cấp dịch vụ	630.503.208	364.062.363
	Thu nhập cổ tức	496.144.500	210.629.500
	Sử dụng dịch vụ	217.513.240	415.523.235
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Sử dụng dịch vụ	1.963.471.600	-
	Mua hàng hóa	441.700.000	-
APS	Lãi cho vay	1.214.663.014	1.458.671.233
	Cho vay	-	45.200.000.000
VNT	Chia cổ tức	694.575.000	1.295.848.800
	Cung cấp dịch vụ	374.880.229	285.572.570
	Sử dụng dịch vụ	362.691.346	2.000.285.135
	Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	-	25.200.200.000
	Nhận vốn góp	-	1.822.040.000
	Lãi trái phiếu thu được	-	992.848.893
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chia cổ tức	463.258.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành	Sử dụng dịch vụ	448.658.750	-
	Cung cấp dịch vụ	399.137.750	-

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Chí Đức	Chia cổ tức	380.653.500	-
Ông Vũ Chính	Chia cổ tức	368.471.000	-
Ông Lê Duy Hiệp	Chia cổ tức	346.203.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Phú Nhuận	Sử dụng dịch vụ	411.239.191	380.928.704
Công ty Cổ phần Merufa	Cung cấp dịch vụ	194.709.754	-
Ông Lê Phúc Tùng	Chia cổ tức	41.978.000	-
Ông Tôn Thất Hưng	Chia cổ tức	34.635.000	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Haneco	Cung cấp dịch vụ	14.162.963	-

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Cung cấp dịch vụ	1.892.359.671	1.798.092.160
Công ty Cổ phần Hàng hải MACS	Cung cấp dịch vụ	1.849.955.258	-
HACT	Cung cấp dịch vụ	1.198.444.267	350.256.374
Nippon	Cung cấp dịch vụ	576.291.575	623.213.304
SPV	Cung cấp dịch vụ	465.274.920	514.836.084
Khác	Cung cấp dịch vụ	264.924.596	157.578.895
		6.247.250.287	3.443.976.817
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
APS	Cho vay	-	45.200.000.000
Phải thu khác			
Bà Nguyễn Thị Thái Nhi	Tạm ứng	3.800.000.000	3.850.000.000
Ông Tôn Thất Hưng	Tạm ứng	-	63.598.445.689
Ông Lê Phúc Tùng	Tạm ứng	-	180.000.000
APS	Lãi cho vay	-	1.458.671.233
Khác	Thu hộ	18.692.400	66.797.135
		3.818.692.400	69.153.914.057
Phải thu dài hạn khác			
Công ty Cổ phần Vinaprint	Đặt cọc	5.403.327.795	5.185.762.656
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Vinaprint	Sử dụng dịch vụ	1.026.929.587	2.389.171.536
Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	Sử dụng dịch vụ	1.397.120.000	1.494.240.000

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Sử dụng dịch vụ	563.279.400	-
VNT	Sử dụng dịch vụ	-	776.338.838
HACT	Sử dụng dịch vụ	33.400.000	-
		3.020.728.987	4.659.750.374
Phải trả khác			
Ryobi Holdings Co. Ltd.	Lãi vay	298.722.444	439.045.048
Công ty Cổ phần Hàng hải MACS	Thu hộ	-	10.291.710
Khác	Thu hộ và cổ tức	103.635.673	-
		402.358.117	449.336.758
Vay ngắn hạn			
Ryobi	Vay	69.770.00.000	24.616.200.000
Vay dài hạn			
Ryobi	Vay	-	73.848.600.000

Các giao dịch khác với các bên liên quan

Thu nhập và thù lao của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

			VND
	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	3.699.078.653	3.088.746.702
Ông Lê Duy Hiệp	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	2.737.748.049	2.354.169.831
Ông Charvanin Bunditkitsada	Thành viên HĐQT	385.000.000	257.500.000
Ông Toshiyuki Matsuda	Thành viên HĐQT	385.000.000	257.500.000
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	342.222.226	228.888.888
Ông Võ Hoàng Giang	Thành viên HĐQT độc lập (từ tháng 5 năm 2023)	342.222.226	177.777.776
Ông Huỳnh An Trung	Thành viên HĐQT độc lập (từ tháng 5 năm 2023)	342.222.226	177.777.776
Ông Vũ Chính	Thành viên HĐQT độc lập (đến tháng 5 năm 2023)	-	273.333.334
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên HĐQT (đến tháng 5 năm 2023)	-	273.333.334
Ông Vũ Chính	Trưởng Ban Kiểm soát	310.000.003	133.333.336
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Trưởng Ban Kiểm soát (đến tháng 5 năm 2024)	75.555.556	228.888.888
Bà Lê Thị Tường Vy	Thành viên Ban Kiểm soát (từ tháng 5 năm 2023)	256.666.667	133.333.336
Bà Nguyễn Kim Hậu	Thành viên Ban Kiểm soát (từ tháng 4 năm 2024)	160.000.000	65.555.556

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Các giao dịch khác với các bên liên quan (tiếp theo)

VND			
Chức danh		Năm nay	Năm trước
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên Ban Kiểm soát (đến tháng 5 năm 2023)	-	65.555.556
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Phó Tổng Giám đốc	1.378.709.207	1.922.395.822
Ông Lê Phúc Tùng	Phó Tổng Giám đốc	1.089.944.680	1.182.523.419
Ông Tôn Thất Hưng	Phó Tổng Giám đốc (đến tháng 10 năm 2024)	840.979.354	1.138.633.322
Ông Nguyễn Bào Trung	Phó Tổng Giám đốc (đến tháng 2 năm 2023)	-	234.847.187
Ông Nguyễn Chí Đức	Phó Tổng Giám đốc	-	25.091.312
Ông Lê Văn Hùng	Giám đốc Tài chính	889.848.586	825.363.218
Ông Phạm Xuân Quang	Kế toán trưởng (từ tháng 3 năm 2024)	510.676.000	-
Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Kế toán trưởng (đến tháng 3 năm 2024)	219.778.971	721.671.672
TỔNG CỘNG		13.965.652.404	13.766.220.265

TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn đã áp dụng kế toán ban đầu để ghi nhận giao dịch hợp nhất kinh doanh đối với TJC và MIPEC. Trong năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất việc kế toán ban đầu cho các giao dịch này (Thuyết minh số 4.1 và 4.2). Theo đó, một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất đã được trình bày lại như sau:

VND			
Khoản mục	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số cuối năm (đã được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Tài sản cố định hữu hình	2.842.649.350.333	667.933.155.160	3.510.582.505.493
- Nguyên giá	3.813.275.036.491	667.933.155.160	4.481.208.191.651
- Giá trị khấu hao lũy kế	(970.625.686.158)	-	(970.625.686.158)
Tài sản cố định vô hình	27.408.179.940	54.135.770.567	81.543.950.507
- Nguyên giá	38.246.202.603	54.135.770.567	92.381.973.170
- Giá trị hao mòn lũy kế	(10.838.022.663)	-	(10.838.022.663)
Lợi thế thương mại	419.936.375.724	(236.229.422.809)	183.706.952.915
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	144.413.785.146	144.413.785.146
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	90.048.958.580	23.083.361.325	113.132.319.905
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	883.379.025.101	318.342.356.447	1.201.721.381.548

VND			
Khoản mục	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm nay (đã được trình bày lại)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Thu nhập khác	10.718.740.227	23.083.361.325	33.802.101.552
Lợi nhuận khác	3.556.683.621	23.083.361.325	26.640.044.946
Tổng lợi nhuận kế trước thuế	214.325.809.189	23.083.361.325	237.409.170.514
Lợi nhuận sau thuế TNDN	173.050.459.997	23.083.361.325	196.133.821.322
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	136.960.891.497	23.083.361.325	160.044.252.822
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	865	80	945
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	865	80	945

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tổng lợi nhuận kế trước thuế	214.325.809.189	23.083.361.325	237.409.170.514
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	(89.080.455.189)	(23.083.361.325)	(112.163.816.514)

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết theo hợp đồng cho thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền cho thuê phải thu tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	24.879.393.787	28.751.521.361
Trên 1 đến 5 năm	13.925.532.360	19.050.315.342
TỔNG CỘNG	38.804.926.147	47.801.836.703

Cam kết theo hợp đồng thuê hoạt động

Tập đoàn thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	41.875.948.887	79.698.867.378
Trên 1 đến 5 năm	139.323.586.661	247.932.669.518
Trên 5 năm	226.276.628.761	183.196.309.452
TỔNG CỘNG	407.476.164.308	510.827.846.348

Cam kết khác

Vào ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã cam kết bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ trả nợ vay của các công ty con gồm SHTP, TLL và TOT, theo các hợp đồng tín dụng của các công ty con này tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam và Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

34. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	1.286.544	1.480.477
- Đô la Hồng Kông (HKD)	2.500	2.500

35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 50/NQ.HĐQT NK6-TMS ngày 18 tháng 2 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 51/NQ.HĐQT NK6-TMS ngày 22 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã lần lượt thông qua phương án đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Vận tải Miền Trung và Công ty Cổ phần Vinafreight.

Ngoại trừ sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Trần Linh Lan
Người lập



Phạm Xuân Quang
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch HĐQT



HEAD OFFICE

9th - 12th Floor, TMS Building,
172 Hai Ba Trung, DaKao Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam

T: (84-28) 2220 2888

F: (84-28) 2220 2889

E: info@transimex.com.vn

www.transimex.com.vn